

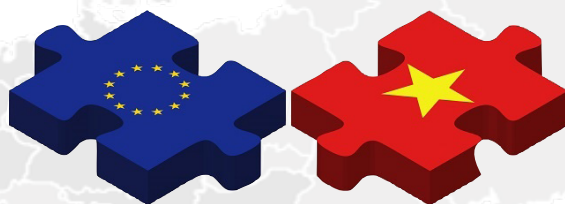
BỘ CÔNG THƯƠNG



CHUYÊN SAN

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

SỐ QUÝ 3/2024





Đơn vị thực hiện:

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

3 - 29 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU tiếp tục khởi sắc trong quý III/2024
- Quý III/2024, xuất khẩu hàng hóa sang Tây Ban Nha duy trì mức tăng tích cực
- Thương mại Việt Nam – Ireland phục hồi và tăng bứt phá
- Xuất khẩu nông sản sang EU đạt mức cao kỷ lục, trong đó cà phê đóng góp hơn 1,6 tỷ USD
- Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày từ EU tăng mạnh

30- 33 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối cải thiện

34 - 36 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- Doanh nghiệp quan tâm đến Quy định mới của EU về vận chuyển chất thải
- Hội đồng châu Âu đồng ý lùi thời hạn thực hiện quy định về chống phá rừng
- EU gia hạn biện pháp tự vệ thép đến tháng 6/2026



Theo ước tính sơ bộ của Eurostat, trong quý III/2024, GDP của EU tăng 0,3% so với quý trước, tương đương mức tăng của quý I và quý II/2024. So với cùng kỳ năm 2023, GDP của EU tăng 0,9% và là mức tăng trưởng tốt nhất kể từ quý II/2023. Trong đó, nền kinh tế Đức đã tránh khỏi suy thoái khi tăng trưởng 0,2% trong quý III/2024, sau khi giảm 0,3% trong quý trước. Kinh tế EU quý III/2024 được hỗ trợ khi doanh số bán lẻ khả quan, sản lượng công nghiệp phục hồi, lạm phát và lãi suất giảm, tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục ở mức thấp.

Theo Eurostat, tháng 8/2024, thương mại bán lẻ của EU tăng tháng thứ 2 liên tiếp, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2023; sản lượng công nghiệp tại khu vực EU tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2023, đánh dấu tháng tăng đầu tiên kể từ đầu năm 2024. Trong bối cảnh sản xuất và thương mại bán lẻ bắt đầu khôi phục, tỷ lệ lạm phát của EU tiếp tục giảm vào tháng 9/2024, đạt mức thấp nhất kể từ tháng 5 năm 2021, ở mức 2,1%, giảm so với mức 2,4% vào tháng 8/2024. Tỷ lệ thất nghiệp của EU cũng đạt mức thấp kỷ lục mới là 5,9% trong tháng 8/2024. Tại khu vực đồng Euro, lạm phát đã giảm xuống dưới mục tiêu 2% của ECB, ở mức 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là các yếu tố thúc đẩy ECB giảm lãi suất lần thứ 3 trong tháng 10/2024. Theo đó, ECB tiếp tục

quyết định cắt giảm thêm 25 điểm, đưa lãi suất cơ bản về 3,25%, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2023 nhằm hỗ trợ kinh tế khu vực.

Trong khi, hoạt động thương mại của EU vẫn đối mặt với nhiều khó khăn với kim ngạch xuất nhập khẩu của khu vực với thị trường ngoại khối tháng 8/2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023. Theo ước tính của Eurostat, tính chung 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hàng hoá của EU từ thị trường ngoại khối đạt 1.599,8 tỷ EUR, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái; xuất khẩu đạt 1.709,1 tỷ EUR, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Về thương mại với Việt Nam, hoạt động thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU tiếp tục tăng mạnh trong quý III/2024, quý tăng thứ 3 liên tiếp. Theo đó, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU trong quý III/2024 đạt 17,95 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 13,4 tỷ USD, tăng 7,3% so với quý II/2024 và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2023; kim ngạch nhập khẩu đạt 4,56 tỷ USD, tăng 15% so với quý trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 50,34 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2023, với kim ngạch xuất khẩu đạt 38,08 tỷ USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2023; kim ngạch nhập khẩu đạt 12,25 tỷ USD, tăng 10,5%. Đáng chú ý, trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của EU vẫn suy giảm, xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU trong 9 tháng đầu năm 2024 ghi nhận tăng trưởng tích cực cho thấy nhiều mặt hàng của Việt Nam đã tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường này. Trong đó, nhiều mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt nhóm hàng công nghệ như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; máy quay phim... Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản như: cà phê, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ đều đạt mức tăng trưởng 2 con số. Nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng như dệt may, giày dép cũng bắt đầu phục hồi khả quan. Dự báo xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU sẽ tiếp tục tích cực trong thời gian tới, nhất là khi kinh tế EU xuất hiện nhiều tín hiệu phục hồi.



Hoạt động thương mại giữa VIỆT NAM VÀ EU tiếp tục khởi sắc trong quý III/2024



Hoạt động thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU tiếp tục tăng mạnh trong quý III/2024, quý tăng thứ 3 liên tiếp. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU trong quý III/2024 đạt 17,95 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch hai chiều đạt 50,34 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó hoạt động xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ. Việt Nam xuất siêu sang EU 25,8 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – EU quý III và 9 tháng năm 2024

	Quý III/2024 (triệu USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch của cả nước (%)
Tổng xuất nhập khẩu	17.950	9,2	19,0	50.338	15,3	8,7
Việt Nam xuất khẩu sang EU	13.389	7,3	20,2	38.083	16,9	12,7
Việt Nam nhập khẩu từ EU	4.561	15,0	15,6	12.255	10,5	4,4
Cán cân thương mại	8.827	3,7	22,7	25.827	20,2	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

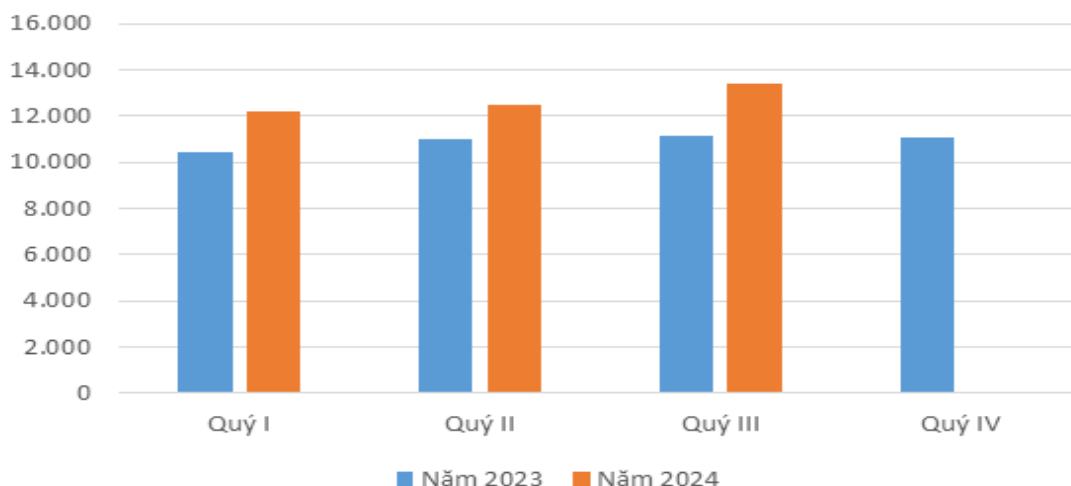
Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường EU tăng mạnh quý thứ 3 liên tiếp

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU quý III/2024 đạt 13,4 tỷ USD, tăng 7,3% so với quý II/2024 và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 38,08 tỷ USD, ghi nhận mức tăng trưởng cao 16,9% so với cùng kỳ năm 2023, sau khi giảm 8,2% trong cùng thời điểm năm 2023.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU năm 2023 – 2024

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường:

Trong quý III/2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết thị trường trong EU tăng so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, nhiều thị trường duy trì mức tăng trưởng mạnh như Hà Lan tăng 28,3% sau khi tăng 29,5% trong quý II và tăng 24,6% trong quý I; Slovakia tăng 59,2% sau khi tăng lần lượt 62,7% và 69,42% trong 2 quý trước, Séc tăng 128,6% sau mức tăng 69,3% và 63,5% trong 2 quý trước.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Ireland tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng 3 con số trong quý III/2024, tăng 326,6%, sau mức tăng 238,4% của quý II/2024.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn trong khối tăng so với cùng kỳ năm 2023; trừ xuất khẩu sang Áo, Bồ Đào Nha, Latvia, Croatia và Malta giảm.

Hà Lan là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam trong EU, đạt 9,45 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 24,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang khối. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan tăng trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng tại quốc gia này phục hồi. Tiêu dùng hộ gia đình tại Hà Lan tháng 8/2024 tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước, sau mức tăng 0,8% trong tháng trước. Đây là tháng thứ hai liên tiếp tiêu dùng hộ gia đình tại Hà Lan tăng trưởng, với chi tiêu tăng cho hàng gia dụng tăng 1,0%, hàng hóa lâu bền tăng 2,7%, hàng hóa khác tăng 2,0% và dịch vụ tăng 0,5%; ngược lại, tiêu dùng tiếp tục giảm đối với thực phẩm, đồ uống và thuốc lá với mức giảm 1,6%. Kinh tế Hà Lan cải thiện, lạm phát giảm, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa gia tăng sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của

Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới. Theo Cơ quan dự báo kinh tế của Chính phủ Hà Lan (CPB), chi tiêu ở Hà Lan sau khi giảm khoảng 1% trong năm 2023 sẽ phục hồi với mức tăng trung bình 2,7% vào năm 2024 nhờ lạm phát giảm. Theo đó, lạm phát tại Hà Lan đã giảm từ mức trung bình 7,3% của năm 2023 xuống còn 3,5% vào tháng 9/2024 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm xuống 2% vào năm 2025. Ngân hàng Rabobank cũng nhận định nền kinh tế Hà Lan sẽ tăng trưởng 0,5% trong năm nay và 1% vào năm 2025. Tiêu dùng cá nhân tại Hà Lan dự báo sẽ tăng 1,1% vào năm 2024 và 2% vào năm 2025 là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường Đức phục hồi

chậm do kinh tế nước này đối mặt với nhiều khó khăn. Theo dự báo cập nhật của Chính phủ Đức, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước này sẽ giảm 0,2% trong năm 2024 và là năm thứ hai liên tiếp nền kinh tế lớn nhất châu Âu suy giảm. Năm 2023, Đức là nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới ghi nhận GDP giảm 0,3%. Kinh tế khó khăn, nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của Đức chậm lại, đặc biệt nhập khẩu từ thị trường ngoại khối giảm 8% so với cùng kỳ năm trước trong 7 tháng đầu năm 2024, xuống còn 262,4 tỷ Euro. Trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của Đức giảm, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Đức vẫn tăng trưởng cho thấy hàng hoá của Việt Nam đã tạo dựng được chỗ đứng khá vững chắc tại thị trường này. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường Đức đạt 5,8 tỷ USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Tổng	13.388.518	7,3	20,2	38.082.557	16,9	100,0	100,0
Hà Lan	3.310.311	3,3	28,3	9.454.685	27,5	24,8	22,8
Đức	2.009.688	5,0	7,5	5.826.868	4,6	15,3	17,1
Italia	1.148.083	-4,0	8,7	3.674.927	9,0	9,6	10,3
Tây Ban Nha	1.086.482	19,1	23,5	3.052.166	21,4	8,0	7,7
Bỉ	907.266	-9,1	11,5	2.760.658	13,5	7,2	7,5
Pháp	914.497	18,4	15,1	2.490.447	5,5	6,5	7,2
Ba Lan	840.265	13,4	31,0	2.277.219	25,7	6,0	5,6
Áo	506.348	28,7	-31,2	1.536.736	-23,8	4,0	6,2
Slovakia	563.624	44,9	59,2	1.291.007	62,8	3,4	2,4
Séc	472.803	32,9	128,6	1.133.860	87,1	3,0	1,9
Thụy Điển	256.990	10,8	0,7	767.821	7,6	2,0	2,2
Ireland	349.588	15,4	326,6	755.717	136,0	2,0	1,0
Bồ Đào Nha	134.945	-5,3	-9,4	411.870	-3,3	1,1	1,3
Hungary	206.646	14,6	74,5	521.230	64,0	1,4	1,0

Thị trường	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Hy Lạp	93.667	-15,1	10,0	297.521	1,7	0,8	0,9
Slovenia	104.692	-7,3	10,3	312.447	9,8	0,8	0,9
Đan Mạch	102.169	-9,0	17,0	317.101	26,5	0,8	0,8
Romania	109.543	25,3	58,4	279.472	38,7	0,7	0,6
Latvia	59.310	-4,3	-8,8	199.841	-13,7	0,5	0,7
Phần Lan	58.032	-6,7	65,0	167.964	0,9	0,4	0,5
Bulgaria	27.806	-59,1	-19,0	140.991	26,8	0,4	0,3
Litva	39.593	-7,3	27,1	124.120	15,6	0,3	0,3
Luxembourg	30.488	21,7	25,7	121.353	40,2	0,3	0,3
Croatia	14.102	-30,9	-22,4	62.140	-9,5	0,2	0,2
Síp	14.054	-39,0	1,6	50.770	24,1	0,1	0,1
Estonia	16.882	56,5	81,2	35.658	23,8	0,1	0,1
Malta	10.646	145,2	-69,5	17.971	-58,2	0,0	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng:

Quý III/2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng của Việt Nam sang thị trường EU tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, sau khi phục hồi chậm trong các quý trước, xuất khẩu giày dép các loại, hàng dệt may, vali, ví, túi xách, mũ, ô dù của Việt Nam sang EU quý III/2024 bật tăng mạnh trở lại. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang EU tăng trưởng khả quan, trừ xuất khẩu điện thoại và linh kiện; sắt thép các loại; đồ chơi, dụng cụ thể thao; hàng rau quả giảm.

Trong quý III/2024, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng xuất khẩu sang EU đạt kim ngạch lớn nhất và duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, đạt 2,41 tỷ USD, tăng 24% so với quý II/2024 và tăng 52,1% so với quý III/2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang EU đạt 5,98 tỷ USD, tăng 49,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong khi đó, xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện sang EU giảm 19,9% so với quý III/2023,

đạt 1,65 tỷ USD trong quý III/2024, nhưng tăng 16% so với quý II/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Việt Nam sang EU đạt 5,07 tỷ USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Việt Nam sang EU chưa phục hồi do nhu cầu nhập khẩu của thị trường vẫn chưa cải thiện. Theo thống kê của Eurostat, trong 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu điện thoại các loại của EU từ thị trường ngoại khối đạt 48 tỷ Euro, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Trung Quốc là thị trường ngoại khối lớn nhất cung cấp điện thoại các loại cho EU với tỷ trọng 8 tháng đầu năm 2024 chiếm tới 51,3% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng, đạt 24,6 tỷ USD, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong số các thị trường ngoại khối, Việt Nam là nhà cung ứng điện thoại các loại lớn thứ 2 cho EU, đạt 6,8 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2024, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trong 8 tháng đầu 2024 tăng lên mức 14,1% so với mức 13,3% của năm 2023. Bên cạnh đó, trong 8 tháng đầu năm 2024, EU cũng đẩy mạnh nhập điện thoại các loại từ Indonesia, Mỹ, Mexico, Thái Lan và Hàn Quốc.

Quý III/2024, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sang EU tăng mạnh trở lại, đạt 1,3 tỷ USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU đạt 4 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU tăng trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của thị trường giảm cho thấy khả năng cạnh tranh nhóm sản phẩm này của Việt Nam ngày càng cao. Theo thống kê của Eurostat, trong 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu giày dép các loại của EU giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 14,7 tỷ USD. Trong khi nhập khẩu từ các thị trường cung cấp lớn

ngoại khối như Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ giảm với mức giảm lần lượt 6,8%, 1,6% và 9,6%, thì EU tăng nhập khẩu từ Việt Nam với kim ngạch đạt 3,99 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2023. Với những lợi thế hiện nay, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan khi nhu cầu tiêu thụ của EU được dự báo sẽ tích cực trong thời gian tới. Theo Công ty Nghiên cứu thị trường IMARC Group, quy mô thị trường giày dép châu Âu sau khi đạt 88,0 tỷ USD vào năm 2023, kỳ vọng sẽ đạt 117,2 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng 3,14%/năm trong giai đoạn 2024 - 2032.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU quý III và 9 tháng năm 2024

Mặt hàng	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	13.388.518	7,3	20,2	38.082.557	16,9
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.408.637	24,0	52,1	5.979.487	49,4
Điện thoại các loại và linh kiện	1.655.548	16,0	-19,9	5.068.292	-5,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.943.577	23,9	28,1	5.067.497	24,5
Giày dép các loại	1.324.164	-11,5	26,7	4.007.667	15,4
Hàng dệt, may	1.169.381	5,2	22,2	3.075.764	8,6
Sắt thép các loại	452.729	-15,3	1,1	1.604.665	-3,0
Cà phê	405.231	-10,3	74,5	1.635.465	47,8
Phương tiện vận tải và phụ tùng	309.032	-12,0	3,5	987.996	7,1
Hàng thủy sản	270.046	-7,8	11,2	753.942	10,8
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	236.530	-3,4	23,5	686.420	11,6
Hạt điều	245.344	5,1	24,6	611.803	22,2
Sản phẩm từ sắt thép	183.721	9,9	47,5	500.804	6,8
Sản phẩm từ chất dẻo	165.666	-3,6	18,7	492.904	28,1
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	152.274	26,2	13,4	346.870	-27,4
Gỗ và sản phẩm gỗ	92.486	-11,8	9,4	348.488	25,2
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	123.218	-23,7	52,1	330.468	71,5
Chất dẻo nguyên liệu	47.017	-62,7	6,2	209.311	38,1
Hàng rau quả	52.100	-26,2	-14,0	177.315	-1,5
Kim loại thường khác và sản phẩm	37.297	-45,4	-31,4	149.462	-18,6
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	64.408	12,6	18,9	165.489	10,9
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	39.803	-2,8	12,5	132.869	6,5
Hạt tiêu	58.811	-12,1	102,1	170.886	96,0

Mặt hàng	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	45.269	0,1	39,8	135.998	40,1
Sản phẩm từ cao su	31.556	13,2	42,9	89.358	41,1
Cao su	67.776	213,2	193,0	123.788	93,5
Xơ, sợi dệt các loại	20.892	-0,1	10,6	63.056	3,1
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	21.429	-10,3	-11,7	67.218	16,6
Hóa chất	13.049	-22,4	62,1	46.847	14,9
Sản phẩm gốm, sứ	14.925	12,4	20,5	46.032	7,0
Vải màn, vải kỹ thuật khác	13.653	-29,8	52,6	40.072	9,0
Dây điện và dây cáp điện	6.278	-33,4	-57,6	26.676	0,1
Gạo	10.584	-41,9	-39,8	63.169	12,2
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	3.002	-46,9	18,4	19.608	41,8
Sản phẩm hóa chất	7.439	7,5	62,5	18.854	59,6
Than các loại	0	-100,0	-100,0	7.323	-17,5
Giấy và các sản phẩm từ giấy	831	18,7	-14,2	1.993	-32,4
Chè	435	-5,0	-24,0	1.382	9,3
Hàng hóa khác	1.705.904	18,3	27,4	4.884.560	18,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, mặc dù nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của EU chưa phục hồi, xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU trong 9 tháng đầu năm 2024 vẫn tăng trưởng tích cực cho thấy nhiều mặt hàng của Việt Nam đã tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường EU. Trong đó, nhiều mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt nhóm hàng công nghệ như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; máy quay phim... Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản như: cà phê, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu, cao su, gỗ và sản

phẩm gỗ đều chứng kiến mức tăng trưởng hai con số. Nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng như dệt may, giày dép... cũng bắt đầu phục hồi và bật tăng khả quan.

Với xu hướng này, dự báo xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU sẽ tiếp tục tích cực trong thời gian tới, nhất là khi kinh tế EU bắt đầu xuất hiện tín hiệu phục hồi như doanh số bán lẻ tăng, lạm phát và lãi suất giảm. Đặc biệt, xuất khẩu nhóm mặt hàng tiêu dùng như giày dép, dệt may nhiều khả năng sẽ phục hồi mạnh khi kinh tế EU và sức mua của người tiêu dùng gần đây cải thiện hơn.

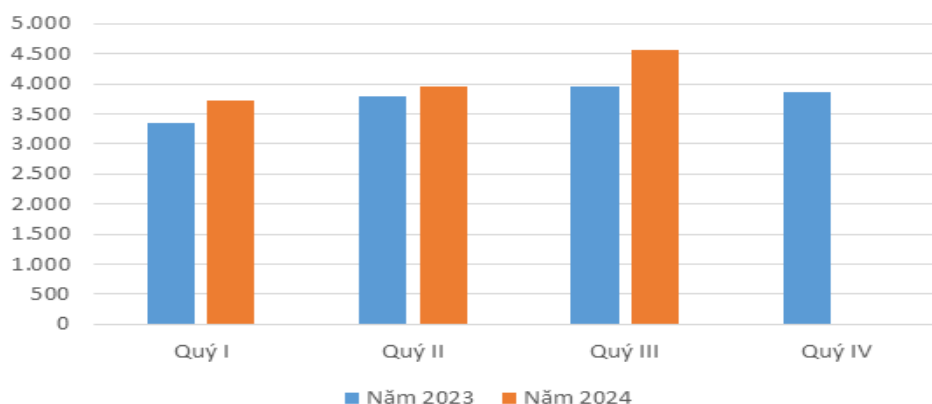
Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thị trường EU quý III/2024 tăng mạnh

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, quý III/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường EU đạt 4,56 tỷ USD, tăng 15% so với quý trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2023. So với quý II/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ nhiều thị

trường trong khối EU tăng, trong khi nhập khẩu từ Pháp, Bồ Đào Nha, Slovenia, Hy Lạp, Litva và Latvia giảm. So với quý III/2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ hầu hết các thị trường trong khối EU tăng so với cùng kỳ năm 2023, trừ nhập khẩu từ Hungary, Slovenia giảm.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ EU năm 2023 – 2024

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thị trường EU đạt 12,2 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Đức và Ireland là 2 thị trường cung cấp hàng hoá lớn nhất cho Việt Nam trong khối EU, chiếm 45,4%

trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ thị trường này. Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tăng nhập khẩu hàng hoá từ hầu hết các thị trường trong khối EU, trừ nhập khẩu Hungary, Slovenia, Slovakia, Litva, Malta và Estonia giảm.

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong EU quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Tổng	4.561.392	15,0	15,6	12.255.441	10,5	100,0	100,0
Đức	1.036.671	8,3	4,7	2.790.503	0,9	22,8	24,9
Ireland	999.265	32,0	5,2	2.775.150	20,8	22,6	20,7
Italia	544.093	11,7	26,0	1.427.091	15,8	11,6	11,1
Pháp	457.233	-0,7	25,0	1.340.053	15,6	10,9	10,5
Hà Lan	219.542	11,4	31,3	567.480	20,2	4,6	4,3
Tây Ban Nha	216.960	16,4	37,0	534.470	11,8	4,4	4,3
Bỉ	175.098	5,4	27,0	488.492	8,8	4,0	4,0
Áo	124.115	11,4	25,9	326.856	8,8	2,7	2,7
Hungary	61.352	15,7	-4,4	156.952	-57,7	1,3	3,3
Ba Lan	100.662	6,7	5,1	292.179	12,2	2,4	2,3
Thụy Điển	123.770	20,9	53,0	308.866	22,3	2,5	2,3
Đan Mạch	68.059	30,7	17,7	170.479	4,5	1,4	1,5
Séc	60.751	21,1	51,9	164.214	31,0	1,3	1,1

Thị trường	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Phần Lan	84.984	88,3	32,1	173.807	25,9	1,4	1,2
Romania	54.935	51,9	17,0	126.556	26,3	1,0	0,9
Bồ Đào Nha	45.292	-10,7	15,5	132.807	54,1	1,1	0,8
Slovenia	29.413	-11,7	-21,1	86.952	-1,1	0,7	0,8
Hy Lạp	27.708	-15,0	48,5	84.003	29,0	0,7	0,6
Luxembourg	23.611	14,1	41,7	62.279	45,8	0,5	0,4
Bulgaria	29.525	87,2	12,0	58.730	15,5	0,5	0,5
Slovakia	20.536	81,0	6,3	44.027	-20,8	0,4	0,5
Síp	14.123	43,2	23,9	34.999	23,6	0,3	0,3
Croatia	14.083	16,3	47,3	33.720	11,6	0,3	0,3
Litva	6.642	-5,9	19,1	20.633	-19,8	0,2	0,2
Malta	9.313	72,5	34,4	19.844	-1,8	0,2	0,2
Estonia	8.250	48,0	206,5	16.652	-0,2	0,1	0,2
Latvia	5.407	-4,7	79,9	17.648	34,4	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng:

Quý III/2024, kim ngạch nhập khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam từ thị trường EU tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Tuy nhiên, vẫn chứng kiến một số mặt hàng giảm mạnh như: Hoá chất giảm 28,4%; Linh kiện, phụ tùng ô tô giảm 40,4%; Ô tô nguyên chiếc các loại giảm 48,9%; Sắt thép các loại giảm 23,6%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu nhiều mặt hàng nguyên liệu cho sản xuất như: Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày; Kim loại thường; Phân bón các loại; Xơ sợi dệt các loại... tăng mạnh, trong khi giảm nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng như: Sữa và sản phẩm sữa; Chế phẩm thực phẩm khác; Ô tô nguyên chiếc; Hàng điện gia dụng và linh kiện ...

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU quý III và 9 tháng năm 2024

Mặt hàng	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	4.561.392	15,0	15,6	12.255.441	10,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.005.081	39,5	5,5	2.756.029	19,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	836.940	17,0	16,2	2.210.418	5,9
Dược phẩm	599.832	-3,4	42,2	1.660.436	29,4
Sản phẩm hóa chất	209.191	14,2	33,0	520.267	13,0
Hóa chất	130.225	-3,1	-28,4	393.816	-3,2
Sữa và sản phẩm sữa	71.355	8,8	34,7	181.774	-6,0

► THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

Mặt hàng	Quý III/2024 (Nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	79.900	-0,1	18,9	213.560	21,7
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	40.658	3,0	9,3	113.071	-47,3
Chất dẻo nguyên liệu	63.670	-6,9	6,9	178.433	7,4
Gỗ và sản phẩm gỗ	7.140	51,1	37,6	178.692	11,2
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	47.462	-7,6	52,1	167.099	29,0
Vải các loại	50.046	-0,7	12,3	140.020	6,7
Sản phẩm từ sắt thép	48.948	12,9	12,0	132.431	1,7
Sản phẩm từ chất dẻo	53.566	23,8	29,3	134.829	7,7
Linh kiện, phụ tùng ô tô	33.652	53,7	-40,4	81.342	-39,9
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	36.375	-3,9	27,0	101.740	10,5
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	24.331	-19,9	-25,0	74.776	-27,8
Chế phẩm thực phẩm khác	30.936	11,1	20,4	79.171	-12,9
Ô tô nguyên chiếc các loại	4.109	86,7	-48,9	13.578	-85,1
Sắt thép các loại	17.713	4,4	-23,6	53.997	-18,5
Giấy các loại	23.394	28,3	-7,7	59.191	-7,0
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	23.195	44,3	64,4	48.417	0,1
Kim loại thường khác	16.976	57,9	85,2	40.982	31,5
Sản phẩm từ cao su	12.287	10,3	4,8	32.754	-3,5
Phân bón các loại	17.970	21,5	92,0	41.222	58,9
Nguyên phụ liệu dược phẩm	8.396	-12,8	-11,9	23.315	-5,2
Hàng thủy sản	5.257	-9,6	14,2	16.577	-30,0
Dây điện và dây cáp điện	7.245	19,6	18,4	19.249	-8,8
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	6.048	-15,9	63,5	18.885	30,8
Xơ, sợi dệt các loại	7.549	28,0	112,8	19.108	43,4
Cao su	6.437	41,2	27,6	15.716	-2,7
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	5.465	-0,1	1,3	15.455	4,8
Hàng điện gia dụng và linh kiện	4.423	21,5	12,5	10.571	-18,1
Sản phẩm từ kim loại thường khác	4.184	22,3	16,2	10.531	-2,0
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.842	42,8	17,8	8.559	15,3
Quặng và khoáng sản khác	2.537	50,9	-2,8	5.435	-33,6
Nguyên phụ liệu thuốc lá	2.914	345,8	52,4	3.791	0,8
Sản phẩm từ giấy	903	40,0	5,4	2.188	-34,7
Điện thoại các loại và linh kiện	61		262,5	61	32,4
Hàng hóa khác	931.182	12,6	20,6	2.477.955	14,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

QUÝ III/2024, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA SANG TÂY BAN NHA DUY TRÌ MỨC TĂNG TÍCH CỰC

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, thương mại hàng hoá giữa Việt Nam và Tây Ban Nha tăng trưởng tích cực trong quý III/2024, đạt 1,3 tỷ USD, tăng 18,6% so với quý II/2024 và tăng 25,5% so với quý III/2023. Trong đó, xuất khẩu tăng 23,5% so với quý III/2023 với kim ngạch 1,08 tỷ USD; nhập khẩu tăng 37%, đạt 216,96 triệu USD.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch hai chiều Việt Nam – Tây Ban Nha đạt 3,58 tỷ USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Tây Ban Nha đạt 3,05 tỷ USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2023; nhập khẩu từ Tây Ban Nha đạt 534,47 triệu USD, tăng 11,8%. Việt Nam xuất siêu 2,51 tỷ USD hàng hóa sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Tây Ban Nha hiện là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam tại EU, chiếm tỷ trọng 7,1% tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU trong 9 tháng đầu năm 2024. Nếu so với mức tăng trưởng xuất khẩu 16,9% sang EU, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha trong 9 tháng đầu năm nay tương đối nhanh.

Đây là kết quả khả quan trong bối cảnh kinh tế Tây Ban Nha tăng trưởng chậm, nhập khẩu hàng hóa suy giảm. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), tính đến hết tháng 7/2024, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Tây Ban Nha đạt 403,36 tỷ EUR, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, Việt Nam đứng thứ 16 về xuất khẩu hàng hóa vào Tây Ban Nha với kim ngạch đạt 4,73 tỷ EUR, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 1,17% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước này.



Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Tây Ban Nha trong quý III và 9 tháng năm 2024

	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	1.303.442	18,6	25,5	3.586.637	19,9
Xuất khẩu	1.086.482	19,1	23,5	3.052.166	21,4
Nhập khẩu	216.960	16,4	37,0	534.470	11,8
Cán cân thương mại	869.521	19,8	20,5	2.517.696	23,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong quý III/2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha ghi nhận nhiều mặt hàng tăng trưởng mạnh so với quý II/2024, trong đó một số mặt hàng có mức tăng trưởng ba con số như: cao su tăng 166,9%, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày tăng 138,3%, hạt tiêu tăng 129,4%, sắt thép các loại tăng 110,7%, cà phê tăng 102,8%...

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha đạt kết quả tích cực trong 9 tháng đầu năm 2024 nhờ sự đóng góp của mặt hàng dệt may, cà phê, giày dép các loại, điện thoại các loại và linh kiện. Đây đều là những mặt hàng có trị giá xuất khẩu cao sang Tây Ban Nha, trong đó hàng dệt, may chiếm tỷ trọng cao nhất với 14,6%, sắt thép các loại chiếm 14,2%, điện thoại các loại và linh kiện chiếm 13,2%, Giày dép các loại chiếm 12,3%, cà phê chiếm 11,1%...

Nông sản nhiệt đới hiện là nhóm hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam tại Tây Ban Nha. Đơn cử như với cà phê, theo thống kê của Eurostat, nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha trong 7 tháng năm 2024 đã tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vào Tây Ban Nha đã tăng tới 35,09% so với cùng kỳ năm 2023 trong 7 tháng đầu năm 2024 lên 262,03 triệu EUR. Kết quả này giúp cho thị phần cà phê của Việt Nam tại Tây Ban Nha mở rộng từ 25,9% lên 28,1%, tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong các nguồn cung ứng cà phê cho thị trường này.

Theo báo cáo nghiên cứu Tổng quan thị trường cà phê Tây Ban Nha 2029 do Bonafide Research công bố, thị trường cà phê Tây Ban Nha dự kiến sẽ tăng trưởng hơn 7% trong giai đoạn 2024-2029. Cà phê hòa tan đang chiếm thị phần lớn nhất tại Tây Ban Nha. Nguồn cung cà phê đóng vai trò quan trọng, với robusta được biết đến với hương vị đậm đà hơn, hàm lượng caffeine cao hơn, thường được pha trộn trong cà phê hòa tan và có giá cả phải chăng. Là quốc gia mạnh về dòng cà phê robusta như Việt Nam,

đây được xem là cơ hội gia tăng xuất khẩu cà phê vào Tây Ban Nha trong thời gian tới.

Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào Tây Ban Nha cũng chịu sự cạnh tranh từ một số đối thủ lớn, đặc biệt là Braxin khi thị phần cà phê của Braxin tại Tây Ban Nha tăng khá nhanh từ 13,7% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 19,7% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Xuất khẩu một số mặt hàng nông sản khác như hàng rau quả (HS 07, 08) vào Tây Ban Nha cũng đang có lợi thế với nhập khẩu của Tây Ban Nha từ Việt Nam tăng 25,3% trong 7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023, tuy nhiên thị phần hàng rau quả của Việt Nam vẫn chiếm mức thấp 0,93%, cao hơn so với mức 0,79% của cùng kỳ năm 2023.

Đối với một số mặt hàng công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu sang Tây Ban Nha trong 9 tháng năm 2024 cũng tăng tích cực so với cùng kỳ năm ngoái như hàng giày dép các loại tăng 24,5%, đạt 377,81 triệu USD; điện thoại các loại và linh kiện đạt 434,34 triệu USD, tăng 1%; hàng dệt, may tăng 9,6%, đạt 454,92 triệu USD; máy móc, thiết bị dụng cụ phụ tùng tăng 8,3%, đạt 150,35 triệu USD...

Theo Viện Thống kê Quốc gia (INE), nền kinh tế Tây Ban Nha đã tăng trưởng khá tốt so với các nước thành viên EU trong nửa đầu năm 2024, với mức tăng trưởng 0,9% trong quý đầu tiên và 0,8% trong quý thứ hai. Trong đó, nhu cầu tiêu dùng trong nước là yếu tố hỗ trợ nền kinh tế Tây Ban Nha trong nửa đầu năm 2024, với mức tiêu dùng tư nhân tăng 1%. Theo Viện Thống kê quốc gia, doanh số bán lẻ của Tây Ban Nha trong tháng 8/2024 đã tăng 0,4% so với tháng trước, trong đó doanh số bán hàng thời trang đã tăng trở lại. Triển vọng tăng trưởng kinh tế khả quan hơn, lạm phát và thất nghiệp giảm gần đây đã khiến nhu cầu người tiêu dùng tăng đáng kể. Các nhà bán lẻ hy vọng doanh số sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất cũng là yếu tố thúc đẩy tăng

trường kinh tế Tây Ban Nha. Theo đó, chỉ số PMI ngành sản xuất Tây Ban Nha tháng 9/2024 đã tăng lên 53 từ mức 50,5 của tháng 8/2024 và vượt dự báo là 50,1. Đây là tháng thứ tám liên tiếp hoạt động sản xuất tại quốc gia này tăng và là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 5/2024.

Với xu hướng tích cực của nền kinh tế Tây Ban Nha, nhiều khả năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong những tháng cuối năm 2024 và quý I/2025.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với (%)		9 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Quý II/2024	Quý III/2023			9/2024	9T/2023
Tổng	1.086.482	19,1	23,5	3.052.166	21,4	100,00	100,00
Hàng dệt, may	202.576	72,0	24,6	454.923	9,6	14,90	16,52
Sắt thép các loại	183.823	67,4	110,7	434.341	69,7	14,23	10,18
Điện thoại các loại và linh kiện	115.599	21,3	-33,0	403.696	1,0	13,23	15,90
Giày dép các loại	127.220	-3,6	35,7	377.814	24,5	12,38	12,07
Cà phê	103.101	20,0	102,8	339.311	88,1	11,12	7,18
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng	45.521	2,0	-7,2	150.356	8,3	4,93	5,52
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	41.772	-9,1	-14,9	119.103	4,2	3,90	4,55
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	28.720	-12,7	-7,3	69.440	-46,2	2,28	5,14
Phương tiện vận tải và phụ tùng	16.949	-26,1	-19,8	59.836	-2,7	1,96	2,45
Hạt điều	22.009	4,4	47,8	57.060	37,7	1,87	1,65
Hàng thủy sản	21.560	16,2	38,5	55.536	24,8	1,82	1,77
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	16.978	-2,5	41,3	51.493	25,1	1,69	1,64
Gỗ và sản phẩm gỗ	14.323	-10,7	80,0	43.324	63,3	1,42	1,06
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	7.495	-27,2	0,9	28.114	-4,5	0,92	1,17
Sản phẩm từ chất dẻo	7.349	-23,2	-15,8	24.973	5,6	0,82	0,94
Sản phẩm từ sắt thép	8.179	32,0	79,6	18.627	14,8	0,61	0,65
Cao su	7.200	113,6	166,9	14.511	81,6	0,48	0,32
Hạt tiêu	5.108	4,8	129,4	14.471	87,8	0,47	0,31
Sản phẩm từ cao su	3.465	-26,2	43,6	13.091	69,8	0,43	0,31
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.638	-0,4	138,3	4.785	123,7	0,16	0,09
Sản phẩm gốm, sứ	602	-22,0	5,6	2.380	12,4	0,08	0,08
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	711	0,7	8,6	2.071	1,3	0,07	0,08
Gạo	507	-7,1	-5,2	1.343	-46,7	0,04	0,10
Hàng hóa khác	104.078	-4,9	27,7	311.566	19,9	10,21	10,34

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Quý III/2024, kim ngạch nhập khẩu hai mặt hàng chính của Việt Nam từ Tây Ban Nha là dược phẩm và hóa chất tăng lần lượt 90,8% và 19,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm, dược phẩm là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất Việt Nam từ thị trường Tây Ban Nha, đạt 96,73 triệu USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu nhiều mặt hàng khác cũng tăng đáng kể như thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 125,6%, đạt 22,56 triệu USD, chất dẻo nguyên liệu đạt 49,71 triệu USD, tăng 5,6%, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 52,21 triệu USD, tăng 1,7%... Ngược lại nhập khẩu một số mặt hàng giảm như sản phẩm từ sắt thép, chế phẩm thực phẩm khác...

Nhập khẩu một số hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Tây Ban Nha quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với (%)		9 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Quý II/2024	Quý III/2023			9/2024	9T/2023
Tổng	216.960	16,4	37,0	534.470	11,8	100,00	100,00
Dược phẩm	41.458	26,6	90,8	96.738	33,7	18,10	15,14
Sản phẩm hóa chất	21.880	11,8	19,8	53.896	5,0	10,08	10,73
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	17.898	-0,4	15,1	52.210	1,7	9,77	10,74
Chất dẻo nguyên liệu	17.882	-13,7	-18,2	49.712	5,6	9,30	9,84
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	8.366	-14,9	104,0	22.568	125,6	4,22	2,09
Chế phẩm thực phẩm khác	5.879	69,8	127,1	12.725	-26,9	2,38	3,64
Nguyên phụ liệu dược phẩm	3.831	-21,8	-23,3	10.711	-22,5	2,00	2,89
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4.466	50,8	93,1	9.999	25,5	1,87	1,67
Sản phẩm từ chất dẻo	2.982	-2,6	6,3	8.174	2,5	1,53	1,67
Sữa và sản phẩm sữa	2.918	-5,7	55,3	8.063	4,0	1,51	1,62
Hàng điện gia dụng và linh kiện	3.313	49,2	37,3	6.584	-23,2	1,23	1,79
Hóa chất	2.006	-19,1	56,3	6.055	9,4	1,13	1,16
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.605	-14,9	45,8	5.312	41,2	0,99	0,79
Sản phẩm từ sắt thép	2.524	50,1	22,9	4.998	-23,2	0,94	1,36
Linh kiện, phụ tùng ô tô	1.353	74,0	184,7	2.701	100,4	0,51	0,28
Sắt thép các loại	794	266,1	4,2	2.237	44,5	0,42	0,32
Hàng hóa khác	77.803	32,3	43,5	181.787	11,0	34,01	34,25

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – IRELAND

phục hồi và tăng bất phá

Trong giai đoạn 2014 - 2021 thương mại song phương giữa Việt Nam và Ireland luôn duy trì đà tăng trưởng cao. Đặc biệt là sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực vào năm 2020, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam - Ireland tăng tới 60% so với năm 2019 và tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục 4,4 tỷ USD vào năm 2021. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 và bất ổn địa chính trị tại khu vực đã gây ảnh hưởng đáng kể đến thương mại giữa hai nước trong năm 2022 và 2023.

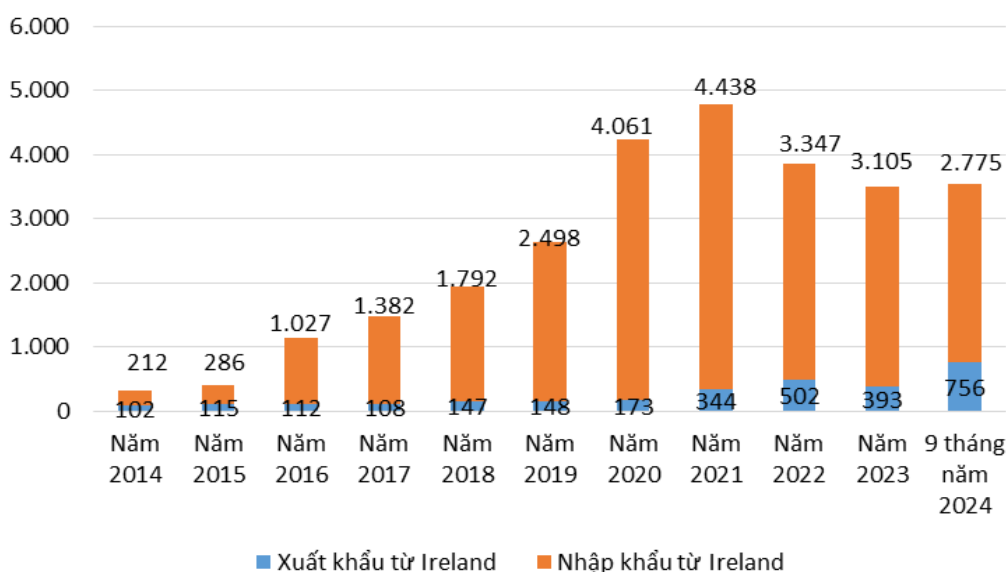
Bước sang năm 2024, những tín hiệu tích cực trong hoạt động giao thương đã xuất hiện trở lại. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong quý

III/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Ireland đạt 1,35 tỷ USD, tăng 27,2% so với quý II/2024 và tăng 30,8% so với quý III/2023. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Ireland tăng gấp 4,3 lần so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 349,6 triệu USD, nhập khẩu tăng 5,2%, đạt gần 1 tỷ USD.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Ireland tăng 34,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 3,53 tỷ USD. Với kết quả này, Ireland là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Việt Nam trong khối EU (đứng thứ 12 về xuất khẩu và thứ 2 về nhập khẩu), chiếm 7% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU.

Thương mại hai chiều Việt Nam – Ireland trong giai đoạn 2014 – 2023 và 9 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu 9 tháng của Việt Nam sang thị trường Ireland đạt mức cao kỷ lục 755,72 triệu USD, tăng gấp 2,36 lần (136%) so với cùng kỳ năm 2023. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất ghi nhận được đối với xuất khẩu của Việt Nam sang 27 quốc gia thành viên EU và gấp 8 lần so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung của Việt Nam sang thị trường EU trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng nhập khẩu 2,77 tỷ USD hàng hóa từ Ireland trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong quan hệ thương mại song phương, Việt Nam luôn duy trì nhập siêu lớn với thị trường

Ireland. Mặc dù xu hướng này đã chậm lại trong những năm trở lại đây, Ireland hiện tại vẫn là thị trường nhập siêu lớn nhất của Việt Nam tại khu vực châu Âu. Cụ thể, trong 9 tháng đầu năm 2024, nhập siêu của Việt Nam từ thị trường Ireland đạt hơn 2 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2023.



Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Ireland trong quý III và 9 tháng đầu năm 2024

	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	1.348.854	27,2	30,8	3.530.867	34,9
Xuất khẩu	349.588	15,4	326,6	755.717	136,0
Nhập khẩu	999.265	32,0	5,2	2.775.150	20,8
Cán cân thương mại	-649.677	43,0	-25,1	-2.019.433	2,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ Ireland, nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện thường xuyên chiếm trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này từ Ireland đạt 2,52 tỷ USD, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 91% cơ cấu mặt hàng. Tính riêng trong quý III, kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang Ireland đạt 921,53 triệu USD, tăng 42,5% so với quý II/2024 và 5,2% so với quý III/2023.

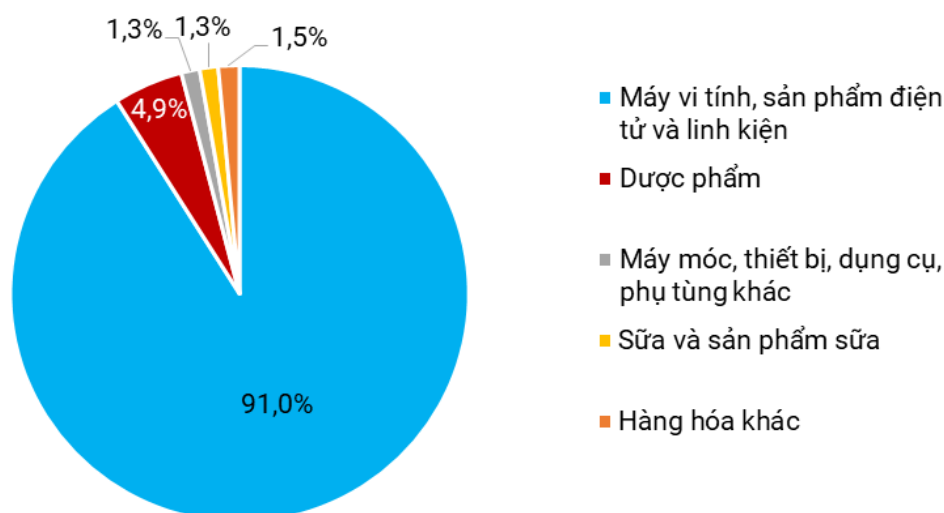
Ireland là quốc gia có nhiều ưu đãi dành cho phát triển các ngành công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và được các công ty công nghệ toàn cầu đặt trụ sở hoặc đăng ký kinh doanh. Lượng nhập siêu lớn nhóm hàng máy vi

tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, bao gồm cả chip bán dẫn từ Ireland đa phần phục vụ sản xuất, dây chuyền lắp ráp trong nước.

Ngoài ra, các doanh nghiệp trong nước cũng tăng nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường Ireland trong 9 tháng đầu năm 2024 như: được phẩm đạt 137,27 triệu USD, tăng 20,8%; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 28,5%, sữa và sản phẩm sữa tăng 29,8%.

Với mặt hàng sữa, từ tháng 1/2023, thuế nhập khẩu đối với sữa từ Ireland đã giảm xuống 0%, tạo điều kiện cho sản phẩm sữa của nước này cạnh tranh mạnh mẽ hơn tại thị trường Việt Nam, đặc biệt là sữa bột nguyên kem, sẽ còn tăng trong thời gian tới.

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ Ireland trong 9 tháng đầu năm 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Ireland trong quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (ng- hìn USD)	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)
Tổng	999.265	32,0	5,2	2.775.150	20,8	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	921.529	42,5	5,2	2.524.440	20,9	90,9	91,0
Dược phẩm	35.292	-53,6	-12,5	137.268	20,8	4,9	4,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	13.374	0,3	11,2	37.158	28,5	1,3	1,3
Sữa và sản phẩm sữa	12.207	40,3	133,2	36.377	29,8	1,2	1,3
Sản phẩm hóa chất	8.027	39,9	7,5	16.284	-6,7	0,8	0,6
Hàng thủy sản	2.034	46,7	-4,4	4.528	-8,1	0,2	0,2
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	230	-48,1	-20,3	980	-23,0	0,1	0,0
Hàng hóa khác	6.572	29,2	17,3	18.114	15,4	0,7	0,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

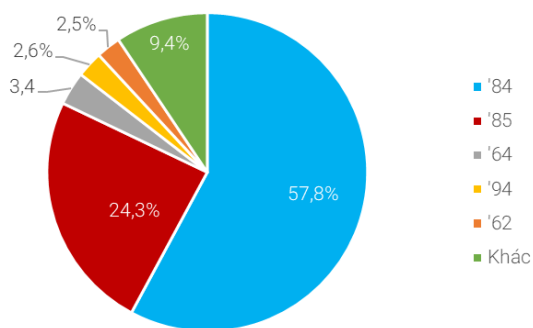
Về xuất khẩu, theo số liệu của Eurostat các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Ireland 7 tháng đầu năm 2024 gồm: Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí;

các bộ phận của chúng (HS 84) chiếm 57,8% tỷ trọng với kim ngạch đạt 414,4 triệu EUR, tăng gấp 5 lần cùng kỳ năm ngoái; tiếp đến là máy móc và thiết bị điện và các bộ phận; máy ghi

âm và máy phát âm thanh, tivi (HS 85) đạt 173,9 triệu EUR, chiếm 24,3% tỷ trọng và tăng 11,9%; giày dép các loại tăng 59,4% và chiếm 3,4%; đồ nội thất chiếm 2,6%...

Theo số liệu từ Eurostat, trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Ireland từ thế giới giảm 7,9% thì kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam lại tăng gấp đôi (109%) trong 7 tháng đầu năm 2024, đạt 716,4 triệu EUR. Thị phần hàng hoá của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ireland tăng lên mức gần 1% so với chỉ 0,43% của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, thị phần dệt may tăng từ 1,9% lên 2%, thủy sản từ 1,1% lên 1,9%, hạt tiêu từ 25,9% lên 31,5%, gạo từ 0,4% lên 0,8%...

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Ireland theo mã HS trong 7 tháng đầu năm 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Với kim ngạch thương mại hai chiều đạt bình quân 392,3 triệu USD/tháng sau 9 tháng đầu năm, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Ireland dự kiến đạt kỷ lục 4,7 tỷ USD vào cuối năm nay, tăng trưởng đáng kể nhờ các mặt hàng chủ lực như sản phẩm nông sản, thực phẩm chất lượng cao từ Ireland và sản phẩm điện tử, máy móc, giày dép từ Việt Nam. Hai nước đang đặt mục tiêu tăng kim ngạch thương mại lên 5 tỷ USD vào năm 2026, đánh dấu cột mốc 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao.

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) cũng được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy dòng chảy hàng hóa

và đầu tư, tạo cơ hội hợp tác kinh doanh sâu rộng hơn giữa doanh nghiệp hai nước trong thời gian tới.

Trong khi đó, số liệu thống kê tháng 9/2024 cho thấy nền kinh tế Ireland đang xuất hiện nhiều tín hiệu tích cực khi lạm phát tiếp tục hạ nhiệt và doanh số bán lẻ có sự cải thiện.

Theo Văn phòng Thống kê Trung ương Ireland (CSO), lạm phát tại Ireland đã giảm xuống 0,7% vào tháng 9/2024 từ mức 1,7% của tháng trước, đánh dấu mức tăng thấp nhất của giá tiêu dùng kể từ tháng 3/2021. Mức giảm này phù hợp với lạm phát nhẹ hơn trên khắp các nền kinh tế chính của Khu vực đồng tiền chung châu Âu, cho phép ECB đẩy nhanh chu kỳ cắt giảm lãi suất để giải quyết các lo ngại ngày càng tăng về tăng trưởng.

Trong khi đó, doanh số bán lẻ tại Ireland tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước vào tháng 9/2024. Sự phục hồi về khối lượng bán lẻ được dẫn đầu bởi doanh số bán hàng điện tử (tăng 6,1%), sách, báo và văn phòng phẩm (tăng 4,6%), nội thất và đèn chiếu sáng (tăng 1,9%), phần cứng, sơn và thủy tinh (tăng 1,9%), quần áo, giày dép và hàng dệt may (tăng 1,9%) và thương mại ô tô (tăng 0,3%). Ngược lại, các mặt hàng dược phẩm, y tế và mỹ phẩm (giảm 2,6%) và thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (giảm 1,1%). So với năm trước, doanh số bán lẻ tăng nhẹ 0,2%.

Văn phòng Thống kê Trung ương Ireland ước tính GDP của nước này trong quý III/2024 tăng 2% so với quý II nhưng giảm 1,2% so với quý III/2023. Trong 9 tháng đầu năm nay GDP của Ireland đã giảm 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nền kinh tế Ireland dựa trên thương mại nước ngoài, công nghiệp và đầu tư. Quốc gia này là nhà sản xuất công nghệ cao và là một trong những nước xuất khẩu dược phẩm và phần mềm lớn nhất thế giới. Về phía chi tiêu, tiêu dùng hộ gia đình là thành phần chính của GDP, chiếm 44%, tiếp theo là tổng vốn đầu tư cố định (19%) và chi tiêu của chính phủ (17%). Xuất khẩu ròng đóng góp 19% vào tổng GDP, với xuất khẩu chiếm 114% và nhập khẩu chiếm 95%.

Một số hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang Ireland trong 7 tháng đầu năm 2024

Mã HS	Mặt hàng	7 tháng năm 2024 (nghìn EUR)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2024 (%)
	Tổng	716.414	109,0	100,0	100,0
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng.	414.427	409,1	23,7	57,8
'85	Máy móc và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy phát âm thanh, tivi ...	173.926	11,9	45,3	24,3
'64	Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của các mặt hàng đó	24.290	59,4	4,4	3,4
'94	Đồ nội thất; đồ trải giường, nệm, giá đỡ nệm, đệm và đồ nội thất nhồi tương tự; ...	18.979	6,9	5,2	2,6
'62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc	17.717	0,2	5,2	2,5
'61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, dệt kim hoặc móc	12.376	13,8	3,2	1,7
'39	Nhựa và các mặt hàng của chúng	6.250	-7,8	2,0	0,9
'95	Đồ chơi, trò chơi và đồ dùng thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	5.851	32,6	1,3	0,8
'73	Các mặt hàng bằng sắt hoặc thép	3.387	25,9	0,8	0,5
'40	Cao su và các mặt hàng của chúng	3.199	-17,8	1,1	0,4
'42	Các mặt hàng bằng da; yên cương và dây cương; hàng hóa du lịch, túi xách và các loại hộp đựng tương tự; các mặt hàng ...	2.837	0,0	0,8	0,4
'72	Sắt và thép	2.831	6,2	0,8	0,4
'90	Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật ...	2.215	21,2	0,5	0,3
'09	Cà phê, trà, maté và gia vị	2.119	29,8	0,5	0,3
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác	2.045	111,5	0,3	0,3
'16	Các chế phẩm từ thịt, cá, giáp xác, động vật thân mềm hoặc các động vật không xương sống dưới nước khác, hoặc ...	1.732	48,2	0,3	0,2
'68	Các mặt hàng bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	1.604	49,1	0,3	0,2
'55	Sợi xơ nhân tạo	1.404	17,9	0,3	0,2
'63	Các mặt hàng dệt may thành phẩm khác; bộ; quần áo cũ và các mặt hàng dệt cũ; giẻ rách	1.343	11,5	0,4	0,2
'48	Giấy và bìa cứng; các mặt hàng từ bột giấy, từ giấy hoặc bìa cứng	1.233	76,1	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG EU đạt mức cao kỷ lục, trong đó cà phê đóng góp hơn 1,6 tỷ USD



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong quý III/2024, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU đạt 840,28 triệu USD, giảm 2,9% so với quý II/2024, nhưng tăng 50% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU tăng trưởng ấn tượng 39,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2,78 tỷ USD với sự tăng trưởng của các mặt hàng chủ lực như cà phê, hạt điều, cao su, hạt tiêu và gạo. Nhu cầu của thị trường phục hồi, giá nhiều mặt hàng nông sản tăng cao là những yếu tố chính đẩy kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU đạt mức cao kỷ lục kể từ trước đến nay.

Bên cạnh đó, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) tiếp tục là đòn bẩy hiệu quả, với lợi thế cạnh tranh lớn về thuế quan và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của EU, từ đó mở rộng thị phần trong khu vực này.

Các doanh nghiệp cũng đang đầu tư mạnh vào quy trình chế biến và sản xuất bền vững, tập trung vào sản phẩm hữu cơ và tăng cường kiểm soát chất lượng để đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn thực phẩm. Ngoài ra, một số doanh nghiệp đã bắt đầu áp dụng công nghệ xanh và tổ hợp chế biến đạt chuẩn quốc tế để đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cao của EU, giảm thiểu rủi ro về chất lượng và đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản chế biến.

Trong khối EU, hiện Đức đang là thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm với kim ngạch đạt 762,78 triệu USD, tăng 49% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 27,4% thị phần.

Tiếp đến là các thị trường Hà Lan, Tây Ban Nha, Italia, với kim ngạch lần lượt là 588,6 triệu USD, 426,7 triệu USD và 417,26 triệu USD, tăng 17,6%, 77,8% và 33,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngoài ra, xuất khẩu sang các thị trường lớn khác như Bỉ, Ba Lan, Litva, Hy Lạp... cũng tăng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2024.



Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các thị trường trong khối EU quý III và 9 tháng năm 2024

Thị trường	Quý III/2024	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023	9 tháng năm 2024	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Thị phần 9 tháng năm 2023 (%)	Thị phần 9 tháng năm 2024 (%)
Đức	207.565	-16,8	61,5	762.782	49,0	25,7	27,4
Hà Lan	201.097	-5,4	15,4	588.593	17,6	25,1	21,1
Tây Ban Nha	137.930	19,1	93,7	426.703	77,8	12,0	15,3
Italia	105.023	7,4	37,7	417.260	33,6	15,6	15,0
Pháp	63.437	45,1	102,2	177.651	56,4	5,7	6,4
Bỉ	45.615	19,9	95,2	150.428	9,8	6,9	5,4
Ba Lan	26.642	1,5	56,5	77.458	38,0	2,8	2,8
Litva	15.845	-59,0	65,3	56.172	96,6	1,4	2,0
Hy Lạp	16.574	-9,7	39,8	51.270	50,3	1,7	1,8
Bồ Đào Nha	10.684	-30,6	23,9	43.878	47,8	1,5	1,6
Rumani	1.351	-45,5	-40,3	8.821	1,3	0,4	0,3
Hungary	2.021	65,9	369,6	4.512	-33,3	0,3	0,2
CH Séc	1.808	164,7	231,7	4.116	113,5	0,1	0,1
Đan Mạch	814	-44,6	-22,2	3.614	16,6	0,2	0,1
Thụy Điển	363	-67,6	-8,4	2.597	63,3	0,1	0,1
Latvia	1.314	193,5	105,1	2.155	87,2	0,1	0,1
Phần Lan	925	160,7	39,3	2.104	-39,4	0,2	0,1
Croatia	312	-63,2		1.503	2.534,3	0,0	0,1
Slovenia	511	90,1	55,5	1.166	-19,6	0,1	0,0
Bungari	181	-31,3	-88,4	473	-81,5	0,1	0,0
Ireland	178	62,5	415,6	401	41,0	0,0	0,0
Estonia	41	121,8	-48,2	82	-71,3	0,0	0,0
Síp	48	113,8	6,4	71	-9,5	0,0	0,0
Tổng	840.282	-2,9	50,0	2.783.808	39,5	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Số liệu cho thấy, tính đến hết quý III năm nay, kim ngạch xuất khẩu 6/7 mặt hàng nông sản chính của Việt Nam sang EU tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, hầu hết đều ghi nhận tăng trưởng ở mức hai con số.

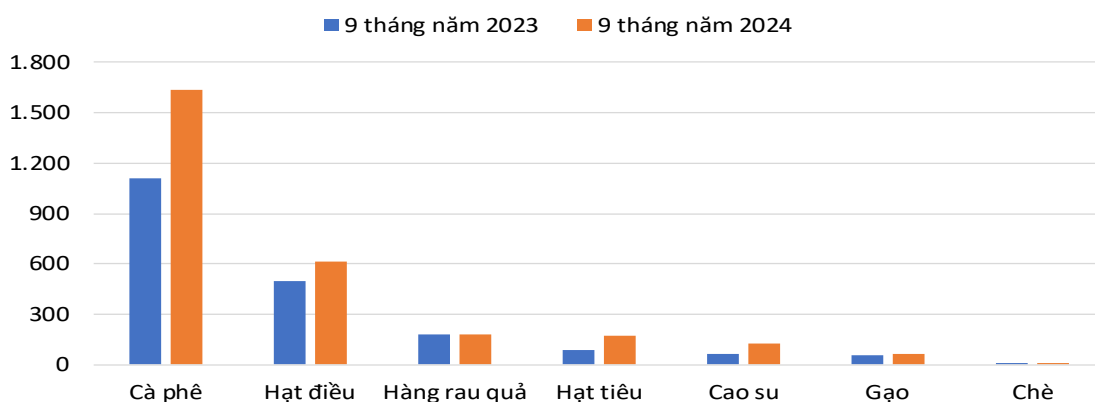
Xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong quý III và 9 tháng đầu năm 2024 (ĐVT: Lượng: tấn; kim ngạch: nghìn USD)

Mặt hàng	Quý III/2024		So với quý III/2023 (%)		9 tháng năm 2024		So với 9 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng theo kim ngạch (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Tổng		840.282		50,0		2.783.808		39,5	100,0	100,0
Cà phê	77.763	405.231	-6,3	74,5	431.231	1.635.465	-8,1	47,8	55,4	58,7
Hạt điều	39.507	245.344	10,9	24,6	106.611	611.803	20,6	22,2	25,1	22,0
Hàng rau quả		52.100		-14,0		177.315		-1,5	9,0	6,4
Hạt tiêu	9.170	58.811	34,3	102,1	32.148	170.886	51,3	96,0	4,4	6,1
Cao su	37.901	67.776	121,0	193,0	71.702	123.788	58,7	93,5	3,2	4,4
Gạo	13.109	10.584	-48,0	-39,8	72.770	63.169	-12,7	12,2	2,8	2,3
Chè	204	435	-37,6	-24,0	565	1.382	-5,0	9,3	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cà phê: Đây vẫn là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU trong 9 tháng đầu năm 2024, đạt 431.231 tấn, kim ngạch 1,63 tỷ USD. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu mặt hàng này mặc dù giảm 8,1% về lượng nhưng tăng tới 47,8% về kim ngạch nhờ giá tăng cao. Theo đó, cà phê chiếm 58,7% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU. EU cũng là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của nước ta, chiếm 39% tổng khối lượng và 38% kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang EU trong 9 tháng đầu năm 2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU đạt bình quân 3.793 USD/tấn, tăng 60,8% so với cùng kỳ năm trước. Theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (Vicofa), niên vụ cà phê 2023 - 2024, từ dự báo sản lượng ở nhiều quốc gia sản xuất lớn giảm, thị trường chứng kiến giá xuất khẩu liên tục tăng trong các tháng đầu năm 2024. Lần đầu tiên giá cà phê robusta trên sàn giao dịch London ở mức trên 5.000 USD/tấn và giá cà phê robusta (chủng loại cà phê xuất khẩu chính của Việt Nam) còn cao hơn cả cà phê arabica. Tại Việt Nam, giá cà phê cũng liên tục lập đỉnh, đạt mức cao nhất trong vòng 30 năm qua. Giá cà phê tăng cao một phần còn do các nhà rang xay tại châu Âu đẩy mạnh mua vào trước thời điểm Quy định chống phá rừng (EUDR) có hiệu lực.

Mặc dù vậy, việc Ủy ban châu Âu mới đây đề xuất hoãn thực thi EUDR một năm đã tác động mạnh tới thị trường. Bởi ngay sau khi có đề xuất này, giá cà phê robusta trên sàn giao dịch London đã giảm khoảng hơn 1.000 USD/tấn.

Tuy nhiên, theo Vicofa, nhiều nhà thương mại cà phê hàng đầu châu Âu xác định EUDR sớm muộn cũng sẽ được thực thi ở EU. Vì vậy, các doanh nghiệp cà phê Việt Nam cần tiếp tục tập trung triển khai, thực hiện EUDR trong thời gian tới. Ngoài việc sớm đảm bảo quy định EUDR, thời gian qua các doanh nghiệp cà phê cũng tận dụng khá tốt các lợi thế từ Hiệp định EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm chế biến sang EU. Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, xuất khẩu cà phê chế biến sang EU đã tăng đến 81,4% so với cùng kỳ năm ngoái, gần gấp đôi so với mức tăng của cà phê nhân robusta và arabica, đạt 193,3 triệu USD, chiếm 11,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê Việt Nam sang EU.

Với việc thực thi Hiệp định EVFTA, EU đã xóa bỏ thuế cho toàn bộ cho các sản phẩm cà phê chưa rang hoặc đã rang (giảm từ 7 - 11% xuống 0%), các loại cà phê chế biến từ giảm 9 - 12% xuống còn 0% vào thời điểm Hiệp định có hiệu lực từ ngày 01/8/2020.

Chủng loại cà phê của Việt Nam xuất khẩu sang EU trong 9 tháng đầu năm 2024

Chủng loại	9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Robusta	384.551	1.360.815	-11,5	44,3
Arabica	27.885	81.020	77,1	42,1
Cà phê Excelsa	108	272		
Cà phê chế biến		193.357		81,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Còn theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), Việt Nam tiếp tục là nguồn cung cấp cà phê lớn thứ hai vào EU trong 7 tháng đầu năm sau Brazil với khối lượng đạt 425.464 tấn, kim ngạch 1,35 tỷ EUR, giảm 7,3% về lượng, nhưng tăng 32,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Tính theo khối lượng, thị phần cà phê của Việt Nam vào EU giảm xuống còn 16,9% từ mức 18,7% của cùng kỳ. Ngược lại, lượng cà phê xuất khẩu của Brazil vào EU trong cùng thời gian kể trên tăng 31,3% lên 681.862 tấn, thị phần mở rộng từ 21,2% lên 27,1%.

Một số nhận định lo ngại rằng giá cà phê robusta quá cao có thể khiến người tiêu dùng quay trở lại với cà phê arabica trong thời gian tới. Nếu điều này xảy ra, Việt Nam, nước sản xuất và xuất khẩu robusta lớn nhất thế giới sẽ gặp nhiều bất lợi.

Hạt điều: Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào EU trong 9 tháng đầu năm đạt 106.611 tấn, kim ngạch 611,8 triệu USD, tăng 20,6% về lượng và 25,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

EU hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu hạt điều để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Trong khi đó, Việt Nam đang có lợi thế khi dẫn đầu về sản xuất và xuất khẩu hạt điều toàn cầu nói chung và sang EU nói riêng. Đặc biệt, theo cam kết từ Hiệp định EVFTA, thuế suất đối với các sản phẩm hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam giảm về 0% sau khi có hiệu lực. Đây là cơ hội lớn cho doanh nghiệp điều bởi trước khi EVFTA thực thi, thuế quan của mặt hàng hạt điều nhập khẩu vào EU dao động từ 7 - 12%.

Hạt tiêu: Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang EU đạt 32.148 tấn, kim ngạch 170,9 triệu USD, tăng 51,3% về lượng và 96% về trị giá. Hạt tiêu là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang EU tăng mạnh nhất trong 9 tháng qua.

Doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đang có lợi thế hơn một số nước xuất khẩu như Ấn Độ, Malaysia, Indonesia nhờ Hiệp định EVFTA. Theo cam kết trong EVFTA, thuế nhập khẩu hạt tiêu xay hoặc nghiền của EU từ Việt Nam đã giảm từ 4% xuống còn 0%. Theo Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI), châu Âu không sản xuất hồ tiêu, nên tiêu thụ của khu vực chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu. CBI dự báo nhập khẩu hồ tiêu của các nước châu Âu sẽ tăng trưởng 1-2% mỗi năm. EU là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng được những cơ hội này, ngành hồ tiêu phải đi theo hướng sản xuất bền vững, do ngày càng nhiều người tiêu dùng châu Âu yêu cầu các chứng nhận đảm bảo sản phẩm có tính bền vững.

Cao su: Cao su cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu nổi bật của Việt Nam sang thị trường EU trong 9 tháng đầu năm 2024, với kim ngạch tăng đến 93,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 123,79 triệu USD. Tính riêng trong quý III, kim ngạch xuất khẩu

tăng tới 185,6% so với quý II/2024 và 193% so với quý III/2023, đạt 67,77 triệu USD. Bên cạnh yếu tố giá tăng do nguồn cung toàn cầu thắt chặt, việc EU tăng cường nhập khẩu nguyên liệu trước thời điểm EUDR có hiệu lực cũng là một trong những yếu tố chính dẫn đến mức tăng trưởng kể trên.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, **xuất khẩu gạo và chè** của Việt Nam sang EU mặc dù giảm về lượng nhưng kim ngạch vẫn tăng lần lượt là 12,2% và 9,3% nhờ giá tăng cao.

Với mặt hàng gạo, sau khi liên tục tăng cao trong những năm gần đây nhờ hiệu ứng từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU đang có dấu hiệu chậm lại. Nguyên nhân có thể là do giá gạo toàn cầu tăng cao đã làm giảm nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ của EU. Bình quân 9 tháng đầu năm 2024, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng đến 28,5% so với cùng kỳ năm ngoái.



Giá xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong quý III và 9 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: USD/tấn)

Mặt hàng	Quý III/2024 (USD/tấn)	so với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (USD/tấn)	So với 9 tháng năm 2023 (%)
Cà phê	5.211	28,8	86,2	3.793	60,8
Hạt điều	6.210	12,7	12,3	5.739	1,3
Gạo	807	2,3	15,8	868	28,5
Cao su	1.788	0,7	32,6	1.726	21,9
Hạt tiêu	6.413	25,3	50,5	5.316	29,5
Chè	2.135	-33,8	21,8	2.447	15,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, rau quả là mặt hàng nông sản duy nhất ghi nhận kim ngạch xuất khẩu sang EU giảm 1,5% trong 9 tháng đầu năm, đạt 177,3 triệu USD.

Với những yếu tố thuận lợi về giá cả cũng như thị trường tiêu thụ, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong thời gian tới. Đặc biệt là khi quý IV thường là giai đoạn nhập khẩu cao điểm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Lễ hội cuối năm.

Về nhu cầu nhập khẩu của thị trường, số liệu của Eurostat cho thấy, EU đã tăng nhập khẩu 5/7 mặt hàng nông sản chính từ Việt Nam nói riêng và từ thị trường ngoại khối nói chung trong 7 tháng đầu năm nay. Một số mặt hàng Việt Nam đang chiếm thị phần lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của EU có thể kể đến như hạt điều (70,3%), cà phê (18,8%), hạt tiêu (62,5%). Những mặt hàng khác thị phần còn khá nhỏ và còn nhiều dư địa tăng trưởng như rau quả mới chiếm 0,7% dung lượng thị trường, chè 0,35%, cao su 2,2%, gạo 3,34%.

Nhập khẩu nông sản của EU và thị phần của Việt Nam

(ĐVT: triệu EUR)

Mặt hàng	7 tháng 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)			Thị phần của Việt Nam/Tổng KNNK ngoại khối (%)	
	EU nội khối	EU ngoại khối	Việt Nam	EU nội khối	EU ngoại khối	Việt Nam	7 tháng 2024	7 tháng 2023
Cà phê	5.064	7.172	1.350	2,1	12,3	32,4	18,82	15,96
Hạt điều	244	514	361	-2,5	-1,1	-1,6	70,27	70,60
Rau quả	58.289	22.927	156	5,5	7,0	0,5	0,68	0,72
Hạt tiêu	124	180	113	9,7	45,4	58,1	62,52	57,49
Cao su	2.738	2.708	60	-5,8	4,9	4,6	2,21	2,22
Gạo	1.023	1.134	38	-10,1	-2,2	-16,2	3,34	3,90
Chè	292	339	1	-2,3	6,7	-8,4	0,35	0,41

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

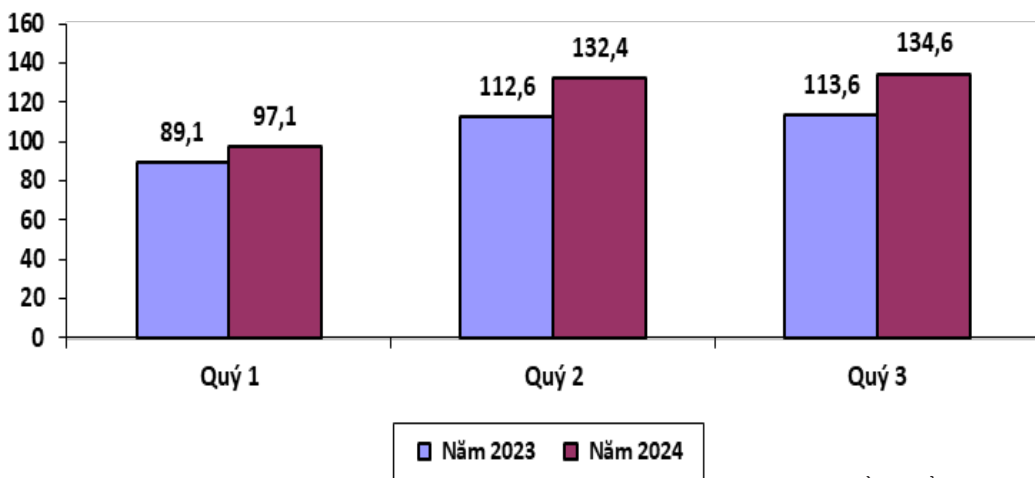
NHẬP KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY, DA GIÀY TỪ EU TĂNG MẠNH

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2024, tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày, vải, xơ sợi các loại của Việt Nam

từ thị trường EU đạt 367 triệu USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 1,8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Diễn biến kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày các loại từ EU qua các quý năm 2024

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày và vải các loại từ thị trường EU. Trong đó, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày chiếm 56,7% và vải các loại chiếm 38,1% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may, da giày từ khối thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2024.

Trong đó, nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam từ thị trường EU quý III/2024 tăng nhẹ so với quý II/2024 do nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày và xơ, sợi dệt các loại tăng.

So với quý III/2023, nhập khẩu các chủng loại nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam từ thị trường EU đều tăng trong quý 3/2024. Trong đó, nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may,

da, giày tăng 18,1%, Vải các loại tăng 12,3%, Xơ, sợi dệt các loại tăng 112,8%.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất, đạt 207 triệu USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng mặt hàng trong tổng nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam từ EU chiếm 56,7% trong 9 tháng đầu năm 2024, cao hơn so với 54,3% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Vải các loại là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ 2 trong nhóm trong 9 tháng đầu năm 2024, đạt 140 triệu USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng mặt hàng trong tổng nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam chiếm 38,1% trong 9 tháng đầu năm 2024, thấp hơn so với 41,5% trong 9 tháng đầu năm 2023.

**Chủng loại nguyên phụ liệu dệt may, da giày nhập khẩu từ thị trường EU
9 tháng đầu năm 2024**

Chủng Loại	Quý III/2024 (nghìn USD)	So với quý II/2024 (%)	So với quý III/2023 (%)	9 tháng đầu năm 2024 (nghìn USD)	So với 9 tháng đầu năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng đầu năm 2023 (%)
Tổng	135.677	1,04	18,8	367.090	16,1	100,0	100,0
NPL dệt, may, da, giày	78.082	0,1	18,1	207.961	21,2	56,7	54,3
Vải các loại	50.046	-0,7	12,3	140.020	6,7	38,1	41,5
Xơ, sợi dệt các loại	7.549	28,0	112,8	19.108	43,4	5,2	4,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường cung cấp:

Theo số liệu thống kê, trong EU, Việt Nam nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may chủ yếu từ Italia, Đức, Áo và Pháp, chiếm 95% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng từ khu vực EU.

Trong quý III/2024, nhập khẩu mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may của Việt Nam từ nhiều thị trường thành viên EU tăng so với quý II/2024, như: Đức tăng 10,7%, Áo tăng 34,5%, Pháp tăng 22,7%, Hà Lan tăng 82,3%... ngược lại, nhập khẩu từ Italia giảm 4%.

So với quý II/2023, nhập khẩu hàng nguyên phụ liệu dệt may của Việt Nam từ Italia tăng 16,3%, Áo tăng 132,4%, Pháp tăng 13,7%... trong

quý III/2024; ngược lại nhập khẩu từ Đức giảm 1,5%, Ba Lan giảm 19,2%.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Italia là thị trường cung cấp nguyên phụ liệu dệt may lớn nhất cho Việt Nam trong khối EU, đạt 367 triệu USD, tăng 16,1% so với 9 tháng năm 2023, chiếm 74,6% tổng kim ngạch nhập khẩu từ EU.

Đức là thị trường cung cấp nguyên phụ liệu dệt may lớn thứ 2 cho Việt Nam trong khối EU, đạt 45,63 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2024, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 12,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may từ EU.

Kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may từ EU 9 tháng năm 2024

(ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Quý 3/2024 (nghìn USD)	So với quý 2/2024 (%)	So với quý 3/2023 (%)	9 tháng đầu năm 2024 (nghìn USD)	So với 9 tháng đầu năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng đầu năm 2023 (%)
Tổng	134.644	1,71	18,5	367.090	16,1	100,0	100,0
Italia	99.948	-4,0	16,3	273.989	20,1	74,6	72,1
Đức	15.634	10,7	-1,5	45.630	-0,2	12,4	14,5
Áo	7.302	34,5	132,4	18.849	45,9	5,1	4,1
Pháp	4.646	22,7	13,7	12.176	-18,0	3,3	4,7
Hà Lan	3.330	82,3	176,3	7.278	104,8	2,0	1,1
Bỉ	3.327	23,6	19,5	8.126	-17,2	2,2	3,1
Ba Lan	457	21,8	-19,2	1.042	-12,5	0,3	0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Việc nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may từ EU là một lợi thế khi doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng dệt may trở lại EU. Bởi theo quy định, để được hưởng ưu đãi thuế quan từ hiệp định EVFTA, hàng dệt may xuất khẩu từ Việt Nam phải đáp ứng quy tắc xuất xứ "từ vải". Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp phải sử dụng nguyên liệu được sản xuất tại Việt Nam hoặc từ các quốc gia có hiệp định thương mại với EU, thay vì nhập khẩu từ các nước không thuộc khối. Cụ thể, theo Quy tắc xuất xứ phổ biến được áp dụng cho sản phẩm dệt may là quy tắc hai công đoạn. Với quy tắc "từ vải trở đi – fabric forward", một sản phẩm dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA khi vải dùng cho sản phẩm đó phải dệt tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU. Tuy nhiên, để sản xuất ra hàng dệt may, thì phải qua 4 công đoạn chính: sản xuất xơ - sợi - vải - cắt may thành hàng may mặc. Như vậy, theo quy tắc "fabric forward", có nghĩa là hàng dệt may Việt Nam phải được làm từ vải có xuất xứ Việt Nam. Tuy nhiên, đối với

các sản phẩm dệt may thuộc Chương 61 và 62 của biểu thuế, hàng hóa được phép sử dụng vải nhập khẩu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada (các quốc gia mà cả Việt Nam và EU có FTA) để sản xuất sản phẩm cuối cùng xuất khẩu sang EU và vẫn được hưởng thuế suất ưu đãi của EVFTA.

Do đó, trong thời gian tới, nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam từ thị trường EU sẽ tiếp tục tăng. Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu nhóm hàng này trong tổng nhập khẩu của cả nước khó tăng mạnh do giá nhập khẩu nguyên phụ liệu từ EU cao hơn nhiều so với các thị trường cung cấp nguyên liệu khác. Theo thống kê từ Eurostat, trong 7 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may ngoại khối lớn thứ 25 của EU (mã HS 52, 54, 55, 56, 58, 96), chiếm 0,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng của thị trường này. Các thị trường xuất khẩu nhóm hàng ngoại khối của EU chủ yếu là Anh, Mỹ, Maroc, Trung Quốc...

Một số thị trường xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may ngoại khối chủ yếu của EU

STT	Thị trường	7 tháng năm 2024 (nghìn EURO)	7 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2023 (%)
	Ngoài EU27	10.894.851	11.782.038	14,5	100,0	100,0
1	Anh	1.385.199	1.497.998	17,2	12,7	12,4
2	Mỹ	1.222.084	1.321.601	18,8	11,2	10,8
3	Ma rốc	748.561	809.518	31,7	6,9	6,0
4	Trung Quốc	625.457	676.389	8,0	5,7	6,1
5	Thụy Sĩ	555.087	600.288	11,5	5,1	5,2
6	Tunisia	486.222	525.816	32,9	4,5	3,8
7	Nga	344.965	373.056	-15,5	3,2	4,3
8	Phần Lan	224.913	243.228	16,7	2,1	2,0
9	Ukraina	224.149	242.402	-21,0	2,1	3,0
10	Na Uy	220.934	238.925	13,1	2,0	2,1
						
25	Việt Nam	100.005	108.149	4,8	0,9	1,0

Nguồn: Eurostat

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối cải thiện

Theo ước tính sơ bộ của Eurostat, GDP của EU trong quý III/2024 tăng 0,3% so với quý trước, tương đương mức tăng của quý I và quý II/2024. So với cùng kỳ năm 2023, GDP của EU tăng 0,9%, mức tăng trưởng tốt nhất kể từ quý II/2023, so với mức tăng 0,8% trong quý trước. Đây là tín hiệu cho thấy nền kinh tế EU có dấu hiệu phục hồi với lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm và sản lượng công nghiệp tăng.

Theo ước tính từ Eurostat, tỷ lệ lạm phát của khu vực EU tháng 9/2024 ở mức 2,1%, thấp hơn so với mức 2,4% trong tháng 8/2024 và mức 4,9% trong tháng 9/2023. Sản xuất công nghiệp của EU tháng 8/2024 tăng 1,3% so với tháng 7/2024 và tăng 0,2% so với tháng 8/2023. Tỷ lệ thất nghiệp của khu vực EU là 5,9% vào tháng 8/2024, giảm so với mức 6,0% vào tháng 7/2024. Trong khi đó, thương mại bán lẻ của EU tháng 8/2024 tiếp tục tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, các sản phẩm phi thực phẩm là nhóm hàng có tăng trưởng doanh thu lớn nhất

khi tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 1,7% so với tháng 8/2023. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ nhóm thực phẩm, đồ uống, thuốc lá tăng chậm hơn với mức tăng 0,1% so với tháng trước và ổn định so với cùng kỳ năm 2023.

Với hoạt động thương mại, theo ước tính của Eurostat, thâm hụt thương mại của EU với phần còn lại của thế giới ở mức 1,7 tỷ EUR trong tháng 8/2024 (cùng kỳ năm ngoái thặng dư là 0,4 tỷ EUR). Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang các thị trường ngoại khối trong tháng 8/2024 đạt 195,6 tỷ EUR, giảm 1,8% so với tháng 8/2023; nhập khẩu đạt 197,2 tỷ EUR, giảm 0,8% so với tháng 8/2023.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường ngoại khối EU đạt 1.709,1 tỷ EUR, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu đạt 1.599,8 tỷ EUR, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả là EU ghi nhận thặng dư thương mại với phần còn lại của thế giới là 109,3 tỷ EUR (cùng kỳ năm ngoái thâm hụt 12,4 tỷ EUR).

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hoạt động	Tháng 8/2023	Tháng 8/2024	So sánh (%)	8 tháng 2023	8 tháng 2024	So sánh (%)
Xuất khẩu ngoài EU	199,2	195,6	-1,8	1.695,7	1.709,1	0,8
Nhập khẩu ngoài EU	198,8	197,2	-0,8	1.708.2	1.599,8	-6,3
Cán cân thương mại ngoài EU	0,4	-1,7		-12,4	109,3	

Nguồn: Eurostat

Tháng 8/2024 so với tháng 7/2024, cán cân thương mại của EU giảm đáng kể từ thặng dư 16,8 tỷ EUR xuống thâm hụt 1,7 tỷ EUR. Mức giảm này chủ yếu do thặng dư máy móc và phương tiện giảm từ 20 tỷ EUR xuống 11,2 tỷ EUR và thâm hụt hàng hóa sản xuất khác tăng (từ -1,7 tỷ EUR lên -7,0 tỷ EUR).



Các sản phẩm xuất, nhập khẩu chính của EU trong tháng 8/2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hàng hóa	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại	
	Tháng 8/2024	So sánh (%)	Tháng 8/2024	So sánh (%)	Tháng 8/2024	Tháng 8/2023
Tổng	195,6	-1,8	197,2	-0,8	-1,7	0,4
Hàng sơ cấp:	32,0	-4,7	59,9	-2,8	-27,9	-28,0
Thực phẩm và đồ uống	16,7	0,9	12,3	8,1	4,4	5,1
Nguyên liệu thô	5,0	1,3	7,8	6,2	-2,8	-2,4
Năng lượng	10,4	-14,7	39,8	-7,2	-29,4	-30,7
Hàng hóa sản xuất:	160,5	-1,6	135,5	-0,3	25,0	27,2
Hóa chất và sp li	45,2	9,8	24,4	-5,0	20,8	15,5
Máy móc và phương tiện	73,7	-7,2	62,5	-2,3	11,2	15,5
Hàng hóa sản xuất khác	41,6	-2,1	48,6	5,2	-7,0	-3,7
Hàng hóa khác	3,1	19,3	1,8	38,5	1,2	1,2

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các đối tác thương mại chính của EU trong tháng 8 năm 2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại	
	Tháng 8/2024	So sánh (%)	Tháng 8/2024	So sánh (%)	Tháng 8/2024	Tháng 8/2023
Mỹ	41,9	3,0	26,6	-3,90%	15,3	13
Trung Quốc	15,8	-10,9	45,5	11,60%	-29,6	-23
Vương quốc Anh	25,4	-0,3	12,9	-7,60%	12,4	11,4
Thụy Sĩ	13,5	-1,9	9,3	-13,90%	4,2	2,9
Thổ Nhĩ Kỳ	8,3	4,4	7,5	-1,30%	0,8	0,3
Na Uy	4,8	-4,3	8,0	-7,30%	-3,2	-3,6
Nhật Bản	5,4	1,8	4,7	-17,90%	0,8	-0,3
Hàn Quốc	4	-6,3	5,6	-7,00%	-1,6	-1,8
Ấn Độ	3,7	-4,2	5,2	-7,10%	-1,5	-1,8
Brazil	3,3	-4,9	3,5	-15,50%	-0,2	-0,7

Nguồn: Ước tính của Eurostat

Xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong 7 tháng đầu năm 2024

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hoá của EU ra thị trường ngoại khối phục hồi nhẹ, trong khi nhập khẩu vẫn giảm, nhưng tốc độ đã chậm lại. Cụ

thể, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối trong 7 tháng đầu năm 2024 tăng 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1.513,52 tỷ EUR (tương đương 1.634,6 tỷ USD); nhập khẩu

hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối giảm 7,1%, đạt 1.402,55 tỷ EUR (tương đương 1.514,75 tỷ USD). Theo đó, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa EU với nhiều thị trường ngoại khối giảm như: Mỹ, Anh, Trung Quốc, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Na Uy, Nga ...

Theo Eurostat, hoạt động thương mại giữa EU - Việt Nam trong tháng 7/2024 xuất hiện dấu hiệu tích cực. Cụ thể, tổng kim ngạch trao đổi hàng hóa 2 chiều giữa EU và Việt Nam trong tháng

7/2024 đạt 6,08 tỷ EUR (tương đương 6,57 tỷ USD), tăng 14,6% so với tháng trước và tăng 16,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa EU – Việt Nam đạt 37,12 tỷ EUR (tương đương gần 40,1 tỷ USD), tăng 9,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang Việt Nam đạt trên 6,75 tỷ EUR (tương đương gần 7,3 tỷ USD), tăng 3,5%; nhập khẩu hàng hóa của EU từ Việt Nam tăng 10,6%, đạt 30,37 tỷ EUR (tương đương 32,8 tỷ USD).

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu			Cán cân thương mại	
	Triệu EUR	Triệu USD	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Triệu EUR	Triệu USD	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Triệu EUR	Triệu USD
EU ngoại khối	1.513.524	1.634.606	1,1	1.402.552	1.514.756	-7,1	110.972	119.850
Mỹ	308.731	333.429	6,4	196.710	212.447	-2,9	112.021	120.983
Anh	201.482	217.600	1,8	97.102	104.870	-12,3	104.380	112.730
Trung Quốc	129.383	139.734	-1,9	286.120	309.009	-7,4	-156.737	-169.276
Thụy Sĩ	115.073	124.278	2,4	77.681	83.896	-5,7	37.392	40.383
Thổ Nhĩ Kỳ	66.220	71.518	-0,3	57.652	62.265	1,9	8.568	9.253
Nhật Bản	38.364	41.433	2,3	37.929	40.963	-11,5	436	470
Na Uy	37.147	40.119	4,6	57.344	61.931	-16,7	-20.196	-21.812
Mêhicô	32.405	34.998	4,2	16.759	18.099	-4,0	15.647	16.898
Hàn Quốc	31.463	33.980	-7,4	38.014	41.056	-13,4	-6.551	-7.075
Canada	28.520	30.801	-0,8	15.995	17.275	-5,0	12.524	13.526
Ấn Độ	28.146	30.398	0,2	42.018	45.380	7,4	-13.872	-14.982
Braxin	25.764	27.825	-0,6	26.846	28.993	4,7	-1.082	-1.168
UAE	25.115	27.124	15,8	6.023	6.505	-44,1	19.092	20.619
Úc	23.064	24.909	0,7	6.357	6.866	-31,5	16.707	18.043
Ukraina	22.940	24.775	5,5	14.385	15.536	2,9	8.555	9.239
.....								
Việt Nam	6.755	7.296	3,5	30.370	32.799	10,6	-23.615	-25.504

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat. Tỷ giá 1 EUR = 1,08 USD

EU tăng nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến, hàng nông, thủy sản của Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2024, EU có xu hướng tăng nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam, như: giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, cà phê, rau quả, hạt tiêu, cao su. Ngược lại, EU giảm nhập khẩu các mặt hàng như dệt may, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép và một số mặt hàng nông sản như thủy sản, hạt điều, gạo, chè.

7 tháng đầu năm 2024, EU nhập khẩu giày dép (mã HS 64) từ Việt Nam đạt 3,45 tỷ EUR, tăng 7,4% so với 7 tháng đầu năm 2023. Thị phần giày dép của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 23,87% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 27,27% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Ngược lại, EU giảm nhập khẩu dệt may (mã HS 61, 62) từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024, giảm 4,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Dù vậy, thị phần hàng dệt may của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối vẫn tăng từ 4,41% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 4,46% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Đối với nhóm hàng nông, thủy sản, EU tăng nhập khẩu mặt hàng cà phê (+32,4%); rau quả (+0,5%); hạt tiêu (+58,0%) ; cao su (+4,6%), thị phần trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoại khối chiếm lần lượt 18,82%, 0,68%, 62,52% và 2,21%. Ngược lại, EU giảm nhập khẩu các mặt hàng thủy sản (-6,4%); hạt điều (-1,6%) ; gạo (-16,2%) và chè (-8,4%).

EU nhập khẩu một số mặt hàng có thể mạnh từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT : Triệu EUR)

Mặt hàng	7 tháng 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)			Thị phần của Việt Nam/Tổng KNNK ngoại khối (%)	
	EU nội khối	EU ngoại khối	Việt Nam	EU nội khối	EU ngoại khối	Việt Nam	7 tháng 2024	7 tháng 2023
Giày dép	25.074	12.652	3.450	1,9	-5,9	7,4	27,27	23,87
Dệt may	56.514	46.246	2.062	2,5	-5,1	-4,0	4,46	4,41
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	117.962	44.592	1.794	-8,9	-7,8	-3,6	4,02	3,85
Cà phê	5.064	7.172	1.350	2,1	12,3	32,4	18,82	15,96
Thủy sản	16.469	16.059	458	1,1	-3,9	-6,4	2,85	2,93
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	32.473	9.631	418	-7,6	-3,3	13,6	4,34	3,69
Hạt điều	244	514	361	-2,5	-1,1	-1,6	70,27	70,60
Rau quả*	58.289	22.927	156	5,5	7,0	0,5	0,68	0,72
Hạt tiêu	124	180	113	9,7	45,4	58,1	62,52	57,49
Cao su	2.738	2.708	60	-5,8	4,9	4,6	2,21	2,22
Gạo	1.023	1.134	38	-10,1	-2,2	-16,2	3,34	3,90
Chè	292	339	1	-2,3	6,7	-8,4	0,35	0,41

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

(*) Ghi chú : Số liệu mặt hàng rau quả gồm HS 06, 07, 08 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131, 080132) và HS 20

Doanh nghiệp quan tâm đến Quy định mới của EU về vận chuyển chất thải

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, Ủy ban châu Âu đã gửi Công hàm thông báo cho các nước không thuộc OECD liên quan đến Quy định EU 2024/1157 về việc xuất khẩu các lô hàng chất thải, đã được công bố vào ngày 30 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Quy định mới này được đưa ra trong bối cảnh những thách thức chính liên quan đến việc vận chuyển chất thải đến các nước thứ ba bao gồm việc xử lý không đúng cách và sử dụng chất thải làm nguyên liệu thô hoặc nguồn năng lượng, gây ra những lo ngại về môi trường. Từ năm 2004 đến năm 2023, EU đã xuất khẩu khoảng 35,1 triệu tấn chất thải, trị giá 18,5 tỷ euro, trong khi nhập khẩu khoảng 17 triệu tấn, trị giá 15,7 tỷ euro. Dữ liệu năm 2023 nêu bật rằng EU đã xuất khẩu khối lượng lớn sắt và thép (18,9 triệu tấn) trong khi nhập khẩu 4,0 triệu tấn. Tổng lượng xuất khẩu chất thải giấy và bìa cứng là 7,0 triệu tấn, trong khi lượng nhập khẩu đạt 1,7 triệu tấn. Nhựa (bao gồm cao su) chiếm 2,5 triệu tấn xuất khẩu và 0,8 triệu tấn nhập khẩu. Các loại chất thải khác, chẳng hạn như kim loại quý, có khối lượng nhỏ hơn, với 0,2 triệu tấn nhập khẩu và 0,4 triệu tấn xuất khẩu.

Quy định đặt ra các biện pháp bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, góp phần vào việc trung hòa khí hậu và đạt được nền kinh tế tuần hoàn, không ô nhiễm bằng cách ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực phát sinh từ các lô hàng chất thải và từ việc xử lý chất thải tại điểm đến. Quy định này thiết lập các thủ tục và chế độ kiểm soát đối với các lô hàng chất thải, tùy thuộc vào nguồn gốc, điểm đến và tuyến đường của lô hàng, loại chất thải và hình thức xử lý được áp dụng cho chất thải tại điểm đến.

Các mục tiêu chính bao gồm (i) Thiết lập các quy tắc chặt chẽ hơn đối với xuất khẩu chất thải của EU để ngăn chặn các thách thức về xuất khẩu chất thải sang các nước thứ ba và đảm bảo quản lý chất thải lành mạnh với môi trường. (ii) Tăng cường thực thi để ngăn chặn các lô hàng chất thải bất hợp pháp trong và ngoài EU. (iii) Và tăng khả năng truy xuất nguồn gốc các lô hàng chất thải để tạo điều kiện cho việc tái chế và tái sử dụng.

Về phạm vi áp dụng: (i) các lô hàng chất thải giữa các quốc gia thành viên, có hoặc không quá cảnh qua các nước thứ ba; (ii) các lô hàng chất thải nhập khẩu vào Liên minh từ các nước thứ ba; (iii) các lô hàng chất thải xuất khẩu từ Liên minh sang các nước thứ ba; (iv) các lô hàng chất thải quá cảnh qua Liên minh trên đường đến hoặc từ các nước thứ ba

Quy định đưa ra các yêu cầu mới đối với việc xuất khẩu các loại chất thải khác (xanh) sang các nước không thuộc OECD (xuất khẩu chất thải nguy hại sang các nước không thuộc OECD đã bị cấm). Quy định phân biệt giữa hàng đã qua sử dụng và các luồng chất thải cụ thể. Các nước không thuộc OECD muốn nhập khẩu chất thải phải thông báo cho EU về ý định của mình và cung cấp bằng chứng chi tiết, bao gồm các chiến lược quản lý chất thải, khuôn khổ pháp lý và việc tuân thủ các thỏa thuận môi trường quốc tế như Công ước Basel. Ủy ban Châu Âu sẽ đánh giá các thông báo này và duy trì danh sách cập nhật các quốc gia đủ điều kiện nhập khẩu chất thải. Danh sách này sẽ phản ánh năng lực của các quốc gia không thuộc OECD trong việc xử lý đúng cách chất thải được liệt kê xanh, đảm bảo bảo vệ môi trường.

EU đang yêu cầu các nước không thuộc OECD quan tâm đến việc nhập khẩu chất thải từ EU gửi yêu cầu chính thức tới Ủy ban châu Âu trước ngày 21 tháng 2 năm 2025, chứng minh năng lực

quản lý chất thải bền vững của họ. Đến ngày 21 tháng 5 năm 2027, EU sẽ chỉ cấp phép xuất khẩu sang các nước không thuộc OECD trong danh sách đã được phê duyệt. Hợp tác giữa các nhà xuất khẩu chất thải EU và các cơ quan không thuộc OECD sẽ được khuyến khích để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát quản lý chất thải. EU sẽ tăng cường hợp tác thực thi pháp luật để ngăn chặn các lô hàng chất thải bất hợp pháp.

Xuất khẩu chất thải nhựa sang các nước không thuộc OECD sẽ bị cấm từ ngày 21 tháng 11 năm 2026, với các trường hợp ngoại lệ có thể bắt đầu từ ngày 21 tháng 5 năm 2029. EU sẽ thông báo vào ngày 21/5/2026 về các nội dung liên quan.

Các quy định mới về xuất khẩu chất thải của EU sang cả các nước OECD và không thuộc OECD theo Quy định EU 2024/1157 yêu cầu: (i) Các công ty xuất khẩu của EU phải chứng minh rằng chất thải mà họ xuất khẩu được quản lý đúng cách. (ii) Để đảm bảo điều này, các công ty được yêu cầu tiến hành kiểm toán độc lập các cơ sở tiếp nhận chất thải, xác minh rằng họ quản lý chất thải theo cách thân thiện với môi trường. Nếu không đáp ứng được điều kiện này, các công ty phải ngừng xuất khẩu sang cơ sở đó. Ủy ban Châu Âu, thông qua văn phòng chống gian lận (OLAF), sẽ hỗ trợ các cuộc điều tra xuyên quốc gia của các Quốc gia thành viên EU về nạn buôn bán chất thải.

Hiện nay các doanh nghiệp quan tâm đến việc đăng ký và thực hiện quy định này vì nguồn chất thải “xanh” có thể được tái chế và sử dụng như nguyên liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp như sắt thép, giấy... Trong thời gian tới khi Quy định về thiết kế sinh thái được áp dụng, các ngành như dệt may, da giày sẽ có nghĩa vụ thu hồi các sản phẩm tồn để tái chế và khi đó, các nước gia công như Việt Nam sẽ được các chuỗi dệt may khuyến khích thu hồi để tái chế. Để có thể nhập khẩu một số chất thải về tái chế, sản xuất, Việt Nam cần đăng ký và xây dựng kế hoạch kiểm soát, quản lý chất thải hợp lý.

Hội đồng châu Âu đồng ý lùi thời hạn thực hiện quy định về chống phá rừng

Tại cuộc họp hôm 16/10/2024, Hội đồng châu Âu (EUCO), cơ quan chính trị đại diện cho các nước thành viên EU, nhất trí trì hoãn thực hiện một năm đối với Quy định chống phá rừng (EUDR) theo đề xuất của Ủy ban châu Âu (EC). Trong phiên họp toàn thể vào giữa tháng 11, Nghị viện châu Âu, cơ quan lập pháp của EU, cần bỏ phiếu tán thành để quyết định trì hoãn có hiệu lực.

Tại cuộc họp hôm 14/10, các nghị sĩ châu Âu thuộc đảng Nhân dân châu Âu (EPP), đảng Liên minh Tiến bộ xã hội và dân chủ (S&D) và đảng Đổi mới châu Âu (RE) cũng đã bày tỏ ý định bỏ phiếu ủng hộ đề xuất hoãn thực hiện EUDR. Ba đảng này chiếm 401 ghế trong tổng số 720 ghế của Nghị viện châu Âu.

Brazil, Mỹ và các đối tác thương mại khác của EU ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latin cho biết, EUDR sẽ đẩy chi phí sản xuất và xuất khẩu tăng cao, đặc biệt đối với các hộ sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ. Họ cũng quan ngại về việc thiếu hướng dẫn chi tiết để tuân thủ EUDR.

EUCO thừa nhận, EUDR thiếu các yếu tố quan trọng, chẳng hạn tài liệu hướng dẫn giúp các công ty và quốc gia tuân thủ tốt hơn.

Theo thông báo của cơ quan này, việc trì hoãn sẽ cho phép các nước thứ ba, các quốc gia thành viên EU, doanh nghiệp và thương nhân chuẩn bị đầy đủ các nghĩa vụ thẩm định.

Sự trì hoãn này mang lại sự chắc chắn về mặt pháp lý, khả năng dự đoán và đủ thời gian để thực hiện suôn sẻ và hiệu quả các quy tắc của EUDR, bao gồm việc thiết lập đầy đủ các hệ thống thẩm định tất cả các hàng hóa và sản phẩm có liên quan.

EUDR điều chỉnh 7 nhóm mặt hàng gồm: đậu nành, thịt bò, dầu cọ, gỗ, ca cao, cà phê, cao su, trong đó, các ngành hàng bị tác động lớn tại Việt Nam gồm: cà phê, gỗ và cao su. Sau khi EC đồng ý lùi thời hạn tuân thủ, hạn cuối để các doanh nghiệp lớn tuân thủ EUDR là ngày 30/12/2025; các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ là ngày 30/6/2026.

EU gia hạn biện pháp tự vệ thép đến tháng 6/2026

Ủy ban Châu Âu đã công bố quy định về việc gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép thêm hai năm nữa, cho đến tháng 6 năm 2026. Quy định này cũng điều chỉnh chức năng của biện pháp này để phù hợp với điều kiện thị trường.

Quyết định này diễn ra sau cuộc điều tra do 14 quốc gia thành viên EU yêu cầu, cho thấy biện pháp tự vệ tiếp tục cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng cho ngành thép của EU. Ngoài ra, nó cho thấy ngành công nghiệp EU đang điều chỉnh để đáp ứng mức nhập khẩu cao hơn.

Việc kéo dài và điều chỉnh Quy định được chứng minh qua sự kết hợp của các yếu tố gây áp lực nhập khẩu đáng kể trên thị trường Liên minh:

- Mức dư thừa thép toàn cầu cao và sự gia tăng xuất khẩu từ Trung Quốc sang các nước thứ ba, đặc biệt là ở châu Á, dẫn đến xuất khẩu tăng từ các nước thứ ba đó sang EU. Điều tra của EU cho biết "Việt Nam, Indonesia và Malaysia đã đạt được tốc độ tăng trưởng công suất từ 35% đến 95%, trong khi nhu cầu thép giảm hoặc tăng nhẹ và một số nền kinh tế khác ở Trung Đông, Nam Á và Bắc Phi cũng đang chứng kiến mức tăng trưởng mất cân đối. - Số lượng các biện pháp phòng vệ thương mại và các biện pháp hạn chế thương mại khác do các nước thứ ba khác áp đặt ngày càng tăng gây chuyển hướng xuất trực tiếp hoặc gián tiếp vào EU như Mục 232 của Hoa Kỳ đối với một số sản phẩm thép và biện pháp khác một số nước áp dụng. Chẳng hạn, tháng 8/2023, Mexico đã tăng thuế nhập khẩu từ 15% lên 25% đối với một số sản phẩm thép. Tháng 2/2024 Brazil tăng thuế nhập khẩu đối với một số sản phẩm thép. Tháng 4/2024, Thổ Nhĩ Kỳ hạn chế xuất khẩu một số sản phẩm thép sang Israel

- Nhu cầu ở EU giảm đáng kể. Chủ tịch tại Ủy ban Thép OECD tháng 3 /2024 dự báo năm 2024 và 2025 tăng trưởng nhu cầu thép toàn cầu sẽ tiếp tục rất chậm chạp. EUROFER chỉ ra sự bất ổn kinh tế đang diễn ra sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tăng trưởng thị trường thép trong các quý sắp tới năm 2024

Các điều chỉnh kỹ thuật sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 7 năm 2024. Biện pháp này sẽ hết hạn vào ngày 30/6/2026, tám năm sau khi được áp dụng lần đầu tiên, đây là thời gian áp dụng biện pháp tự vệ tối đa được phép theo quy định của EU và WTO. Ủy ban vẫn có thể xem xét việc thực hiện biện pháp này trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 nếu thấy cần điều chỉnh thêm.

Việt Nam cũng là một trong số các nước xuất khẩu sang EU chịu ảnh hưởng của việc gia hạn quy định này. Truy cập vào trang Web của EU để xem cụ thể hạn ngạch của các nước và Việt nam cho từng loại sản phẩm: https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=OJ:L_202401782



Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574